# ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH

**TRƯỜNG MẦM NON 13**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH

**TRƯỜNG MẦM NON 13**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh, chức vụ** | **Nhiệm vụ** | **Chữ ký** |
|  | Nguyễn Thị Hoa | Hiệu trưởng | Chủ tịch hội đồng |  |
|  | Nguyễn Lê Khanh | Phó  Hiệu trưởng | Phó Chủ tịch hội đồng |  |
|  | Lương Thị Tuyết Len | Phó  Hiệu trưởng | Phó Chủ tịch hội đồng |  |
|  | Lê Ngọc Quỳnh Như | Bí thư  Chi đoàn | Thư ký hội đồng |  |
|  | Nguyễn Thị Minh Hà | Chủ tịch Công đoàn | Ủy viên hội đồng |  |
|  | Trần Thị Ngọc Trâm | Tổ trưởng  Nhà trẻ | Ủy viên hội đồng |  |
|  | Nguyễn Thị Thu Thủy | Tổ trưởng  Mầm | Ủy viên hội đồng |  |
|  | Nguyễn Thị Phú Quý | Tổ trưởng  Chồi | Ủy viên hội đồng |  |
|  | Vũ Thị Ngọc Diễm | Tổ trưởng  Lá | Ủy viên hội đồng |  |
|  | Ngô Thị Ninh | Tổ trưởng  Văn phòng | Ủy viên hội đồng |  |
|  | Nguyễn Ngọc Tô Châu | Trưởng  Ban Thanh tra nhân dân | Ủy viên hội đồng |  |

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2020

MỤC LỤC

|  |  |
| --- | --- |
| NỘI DUNG | Trang |
| Mục lục | 1 |
| Tổng hợp kết quả tự đánh giá | 3 |
| Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU | 4 |
| Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ | 9 |
| A. ĐẶT VẤN ĐỀ | 9 |
| B. TỰ ĐÁNH GIÁ | 11 |
| **Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường** | 11 |
| **Mở đầu** | 11 |
| Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường | 11 |
| Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác | 14 |
| Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường | 17 |
| Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng | 20 |
| Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo | 24 |
| Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản | 26 |
| Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên | 29 |
| Tiêu chí 1.8: Quản lý hoạt động giáo dục | 31 |
| Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở | 33 |
| Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học | 35 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 1* | 38 |
| Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên | 39 |
| **Mở đầu** | 39 |
| Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng | 40 |
| Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên | 42 |
| Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên | 46 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 2* | 49 |
| Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học | 49 |
| **Mở đầu** | 49 |
| Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân trường | 50 |
| Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập | 53 |
| Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị | 56 |
| Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn | 58 |
| Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi | 60 |
| Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước | 63 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 3* | 65 |
| Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội | 66 |
| **Mở đầu** | 66 |
| Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ | 66 |
| Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của địa phương | 69 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 4* | 72 |
| Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ | 72 |
| **Mở đầu** | 72 |
| Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non | 73 |
| Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ | 76 |
| Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe | 77 |
| Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục | 82 |
| *Kết luận về Tiêu chuẩn 5* | 84 |
| Phần III. KẾT LUẬN CHUNG | 86 |
| Phần IV. PHỤ LỤC | 1 |

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

**1. Kết quả đánh giá**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chuẩn,**  **tiêu chí** | **Kết quả** | | | |
| **Không đạt** | **Đạt** | | |
| **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| **Tiêu chuẩn 1** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 1.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.2 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.3 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.4 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.5 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.6 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.7 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.8 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.9 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.10 |  | X | X |  |
| **Tiêu chuẩn 2** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 2.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 2.2 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 2.3 |  | X | X | X |
| **Tiêu chuẩn 3** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 3.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 3.2 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 3.3 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 3.4 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 3.5 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 3.6 |  | X | X |  |
| **Tiêu chuẩn 4** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 4.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 4.2 |  | X | X | X |
| **Tiêu chuẩn 5** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 5.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 5.2 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 5.3 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 5.4 |  | X | X | X |

**Kết quả:** Đạt Mức 3.

**2. Kết luận: Trường đạt Mức 3**

**Phần I**

**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Mầm non 13

Tên trước đây (nếu có): Nhà trẻ Hoa Phượng 13

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương | Hồ Chí Minh |  | Họ và tên  hiệu trưởng | Nguyễn Thị Hoa |
| Huyện/quận/thị xã/thành phố | Bình Thạnh |  | Điện thoại | 028.35533667 |
| Xã /phường/thị trấn | 13 |  | Fax | Không |
| Đạt chuẩn quốc gia | Mức độ 2 |  | Website | <http://mn13binhthanh>.hcm.edu.vn |
| Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập) | 1997 |  | Số điểm trường | 01 |
| Công lập | Có |  | Loại hình khác | Không |
| Tư thục | Không |  | Thuộc vùng khó khăn | Không |
| Dân lập | Không |  | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn | Không |
| Trường liên kết với nước ngoài | Không |  |  |  |

**1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số nhóm, lớp** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** |
| Nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| Nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi | 03 | 03 | 03 | 03 | 02 |
| Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi | 03 | 03 | 03 | 03 | 03 |
| Số lớp mẫu giáo 3- 4 tuổi | 06 | 05 | 05 | 05 | 05 |
| Số lớp mẫu giáo 4-5 tuổi | 05 | 05 | 05 | 05 | 05 |
| Số lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi | 04 | 05 | 05 | 05 | 05 |
| **Cộng** | 21 | 21 | 21 | 21 | 20 |

**2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Ghi chú** |
| **I** | Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo | 21 | 21 | 21 | 21 | 20 |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 21 | 21 | 21 | 21 | 20 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| 3 | Phòng tạm | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| **II** | Khối phòng phục vụ học tập | 04 | 04 | 04 | 04 | 05 |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 04 | 04 | 04 | 04 | 04 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| 3 | Phòng tạm | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| **III** | Khối phòng hành chính quản trị | 14 | 14 | 14 | 14 | 14 |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 14 | 14 | 14 | 14 | 14 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| 3 | Phòng tạm | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |  |
| **IV** | Khối phòng tổ chức ăn | 01 | 01 | 01 | 01 | 01 |  |
| **V** | Các công trình, khối phòng chức năng khác (kho để đồ chơi, vật dụng bán trú; vật dụng vệ sinh; dung dịch tẩy rửa). | 08 | 08 | 08 | 08 | 08 |  |
|  | **Cộng** | **48** | **48** | **48** | **48** | **48** |  |

**3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá (Tháng 9/2020)

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng số** | **Nữ** | **Dân tộc** | **Trình độ đào tạo** | | | **Ghi chú** |
| Chưa đạt chuẩn | Đạt chuẩn | Trên chuẩn |  |
| Hiệu trưởng | 01 | 01 | Kinh | 00 | 00 | 01 |  |
| Phó hiệu trưởng | 02 | 02 | Kinh | 00 | 00 | 02 |  |
| Giáo viên | 43 | 43 | Kinh | 06 | 09 | 28 | 05 giáo viên đang học đại học và 01 giáo viên đang học cao đẳng. |
| Nhân viên | 37 | 32 | Kinh | 05 | 32 | 00 | 05 nhân viên nấu ăn đang học sơ cấp. |
| **Cộng** | **83** | **78** | **83** | **11** | **41** | **31** |  |

b) Số liệu của 5 năm gần đây

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** |
| 1 | Tổng số giáo viên | 42 | 42 | 42 | 43 | 45 |
| 2 | Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với nhóm trẻ) | 144/12=12 | 174/12=15 | 178/12=15 | 176/13=14 | 130/15=9 |
| 3 | Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên *(đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)* | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| 4 | Tỉ lệ trẻ em/giáo viên *(đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú)* | 496/30=17 | 546/30=18 | 542/30=18 | 532/30=17 | 475/30=16 |
| 5 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên *(nếu có)* | 09 | 03 | 10 | 09 | 04 |
| 6 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên *(nếu có)* | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |

**4. Trẻ em**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** |
| 1 | Tổng số trẻ em | 640 | 720 | 720 | 708 | 605 |
| *- Nữ* | 315 | 333 | 320 | 322 | 317 |
| *- Dân tộc thiểu số* | 00 | 00 | 01 | 01 | 0 |
| 2 | Đối tượng chính sách | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| 3 | Khuyết tật | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| 4 | Tuyển mới | 237 | 152 | 203 | 225 | 128 |
| 5 | Học 2 buổi/ngày | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
| 6 | Bán trú | 640 | 720 | 720 | 708 | 605 |
| 7 | Tỉ lệ trẻ em/lớp | 496/15=  33 | 546/15=  36 | 542/15  36 | 532/15=  35 | 475/15=  32 |
| 8 | Tỉ lệ trẻ em/nhóm | 144/6=24 | 174/6=29 | 178/6=30 | 176/6=29 | 130/5=26 |
|  | - Trẻ em từ 03 đến 12 tháng tuổi | 00 | 00 | 00 | 00 | 00 |
|  | - Trẻ em từ 13 đến 24 tháng tuổi | 59 | 68 | 70 | 65 | 37 |
|  | - Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi | 85 | 106 | 108 | 111 | 93 |
|  | - Trẻ em từ 3-4 tuổi | 201 | 158 | 169 | 172 | 124 |
|  | - Trẻ em từ 4-5 tuổi | 170 | 210 | 170 | 185 | 177 |
|  | - Trẻ em từ 5-6 tuổi | 125 | 178 | 203 | 175 | 174 |

**Phần II**

**TỰ ĐÁNH GIÁ**

**A. ĐẶT VẤN ĐỀ**

**1. Tình hình chung của nhà trường**

Trường Mầm non 13 tọa lạc tại số 106/45/1 Bình Lợi, Phường 13, quận Bình Thạnh; trước đây trường có tên gọi là Nhà trẻ Hoa Phượng 13. Năm 1997, trường được đổi tên thành Trường Mầm non 13 theo Quyết định số 1141/QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 1997 của Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh về sắp xếp mạng lưới giáo dục trên địa bàn quận Bình Thạnh.

Tháng 9 năm 2014, trường được xây dựng trên nền đất rộng 6.411m2, gồm 01 trệt, 02 lầu với 24 phòng học, khối phòng hành chính, phòng chức năng, sân chơi và hệ thống trang thiết bị khá hiện đại, đồng bộ đáp ứng được nhu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non. Kinh phí xây dựng, đầu tư trang thiết bị là 62.166.874.792 đồng bằng nguồn ngân sách của Thành phố.

Trong những năm qua, Trường Mầm non 13 từng bước nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ, tạo được uy tín đối với lãnh đạo, các bậc cha mẹ học sinh và nhân dân địa phương. Nhà trường đã xây dựng được đội ngũ giáo viên đồng đều về kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng sư phạm. Qua quá trình nỗ lực của tập thể, nhà trường đã đạt Tập thể lao động xuất sắc từ năm học 2014-2015 đến nay; Cờ thi đua đơn vị xuất sắc năm học 2015-2016, 2019-2020; Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm học 2018-2019; Bằng khen của Ủy ban nhân dân Thành phố các năm học 2015-2016, 2017-2018, 2019-2020. Tháng 6 năm 2016, Trường Mầm non 13 được công nhận đạt Chất lượng giáo dục Cấp độ 3 và Chuẩn quốc gia Mức độ 2.

**2. Mục đích tự đánh giá**

Trường Mầm non 13 tiến hành thực hiện quy trình tự đánh giá chất lượng giáo dục nhằm xác định mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng, không ngừng nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục của đơn vị; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường để cơ quan có thẩm quyền đánh giá, công nhận lại trường mầm non đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục và trường mầm non đạt Chuẩn quốc gia.

**3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá**

Thực hiện Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non, Trường Mầm non 13 thực hiện quá trình tự đánh giá như sau:

**-** Ngày 28 tháng 8 năm 2019: Thành lập Hội đồng tự đánh giá.

**-** Từ ngày 29 tháng 8 năm 2019 đến ngày 31 tháng 8 năm 2019: Lập kế hoạch tự đánh giá. Phổ biến kế hoạch tự đánh giá đến toàn thể giáo viên, nhân viên của nhà trường. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong hội đồng tự đánh giá. Tổ chức tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá cho Hội đồng tự đánh giá và cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường.

**-** Từ ngày 01 tháng 9 năm 2019 đến ngày 24 tháng 5 năm 2020: Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng. Chuẩn bị đề cương báo cáo tự đánh giá. Thảo luận về những vấn đề nảy sinh và xác định những minh chứng cần thu thập bổ sung; Chỉnh sửa các nội dung của từng tiêu chí để lấy ý kiến góp ý. Thông qua đề cương chi tiết báo cáo tự đánh giá.

**-** Từ ngày 25 tháng 5 năm 2020 đến ngày 14 tháng 7 năm 2020: Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí. Kiểm tra lại minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá. Họp hội đồng tự đánh giá để thông qua báo cáo tự đánh giá đã điều chỉnh; Công bố dự thảo báo cáo tự đánh giá trong nội bộ nhà trường và đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

- Từ ngày 15 tháng 7 năm 2020 đến ngày 30 tháng 9 năm 2020: Viết báo cáo tự đánh giá. Tập hợp các ý kiến đóng góp cho quy trình tự đánh giá và viết báo cáo tự đánh giá.

- Ngày 01 tháng 10 năm 2020: Công bố báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện trong nội bộ nhà trường, trên trang web của trường.

- Từ ngày 01 tháng 10 năm 2020: Thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng được đề ra trong báo cáo tự đánh giá để cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường. Gửi báo cáo tự đánh giá cho Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh và Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh kèm theo công văn đề nghị được quan tâm, hỗ trợ trong quá trình thực hiện cải tiến, nâng cao chất lượng theo kế hoạch cải tiến chất lượng đã nêu trong báo cáo tự đánh giá. Cập nhật, bổ sung báo cáo tự đánh giá và thực hiện lưu trữ hồ sơ tại trường.

**B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

**Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

**Mở đầu**:

Công tác tổ chức và quản lý có tầm quan trọng trong việc quyết định sự phát triển của một đơn vị. Để bộ máy nhà trường vận hành tốt cần có phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường lâu dài, cụ thể; tổ chức và quản lý đồng bộ, hợp lý, khoa học về cơ cấu tổ chức, số lớp học, số học sinh theo chuẩn; quản lý tốt các hoạt động giáo dục; công tác hành chính, tài chính và tài sản; thực hiện có hiệu quả quy chế dân chủ cơ sở và đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.

Chính vì vậy, trong những năm qua, Trường Mầm non 13 đã từng bước xây dựng, hoàn thiện bộ máy tổ chức và thực hiện tốt công tác quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

***Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường***

Mức 1:

* + 1. *Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*
    2. *Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*
    3. *Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.*

Mức 2:

*Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.*

Mức 3:

*Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

1. Trường Mầm non 13 có Kế hoạch phương hướng, chiến lược giai đoạn 2016-2020 phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non nhằm giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một; hình thành, phát triển ở trẻ emnhững chức năng tâm sinh lí, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kĩ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời; phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của quận Bình Thạnh là “Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng, trách nhiệm nêu gương của đảng viên, cán bộ, nhất là người đứng đầu; tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; giữ vững kỷ luật, kỷ cương, phát huy truyền thống đoàn kết, năng động, sáng tạo, nghĩa tình; huy động mọi nguồn lực để phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường sống tốt cho người dân, xây dựng quận Bình Thạnh phát triển bền vững” và phù hợp với nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, tài chính của nhà trường [H1-1.1-01].
2. Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh phê duyệt vào ngày 20 tháng 5 năm 2016 [H1-1.1-01].
3. Phương hướng, chiến lược Trường Mầm non 13 được phổ biến, công khai rộng rãi trong toàn trường bằng hình thức niêm yết tại bản tin [H1-1.1-02] và trên cổng thông tin điện tử của đơn vị [H1-1.1-03].

Mức 2:

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được cụ thể hóa bằng kế hoạch năm, tháng và được tập thể giám sát hằng năm thông qua các buổi họp của nhà trường và qua các báo cáo sơ kết, tổng kết năm học [H1-1.1-04].

Mức 3:

Công tác rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được thực hiện định kỳ trong từng năm học thông qua kế hoạch năm, tháng của nhà trường [H1-1.1-01]. Việc tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và cha mẹ trẻ và cộng đồng, tuy nhiên ý kiến của đại diện chính quyền địa phương chưa đi sâu vào kế hoạch phương hướng chiến lược của nhà trường [H1-1.1-01].

**2. Điểm mạnh**

Trường có phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non và được lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo quận phê duyệt. Định kỳ hàng năm thực hiện tốt việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh và công bố niêm yết công khai trong toàn trường.

**3. Điểm yếu**

Ý kiến của đại diện chính quyền địa phương chưa đi sâu vào kế hoạch phương hướng chiến lược của nhà trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2020-2021, căn cứ tình hình thực tế đơn vị và ý kiến đóng góp của Hội đồng trường, cán bộ, giáo viên, nhân viên và cha mẹ trẻ và lãnh đạo trường tiếp tục điều chỉnh, bổ sung kế hoạch chiến lược phát triển của đơn vị vào cuối mỗi năm học.

Hiệu trưởng tiếp tục huy động sự tham gia đóng góp ý kiến cho kế hoạch, phương hướng chiến lược thông qua việc phân công các phó hiệu trưởng, các tổ trưởng chuyên môn và các tổ chức đoàn thể trong nhà trường theo dõi, đánh giá việc thực hiện kế hoạch, tham mưu đề xuất ý kiến với hiệu trưởng để có kế hoạch điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Hiệu trưởng tiếp tục báo cáo việc thực hiện phương hướng chiến lược của nhà trường tại Đại hội đại biểu cha mẹ học sinh và trong các buổi họp Ban đại diện cha mẹ học sinh, qua đó lấy ý kiến đóng góp của cha mẹ học sinh về việc thực hiện phương hướng chiến lược của nhà trường.

Cán bộ quản lý tham mưu với Đảng ủy, Ủy ban nhân dân Phường 13 để mời lãnh đạo địa phương và Hội đồng giáo dục phường phối hợp cùng tập thể nhà trường tham gia các buổi họp rà soát, đánh giá, điều chỉnh phương hướng chiến lược và có ý kiến đóng góp cho kế hoạch phương hướng chiến lược của nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3

***Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác***

Mức 1:

*a) Được thành lập theo quy định;*

*b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*

*c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

*Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

1. Hội đồng trường nhiệm kỳ 2018-2023 được thành lập theo Quyết định số 20-11/QĐ-GDĐT ngày 16/3/2018 do Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh ban hành có 9 người, gồm: cán bộ quản lý, chủ tịch Công đoàn, bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ trưởng chuyên môn [H1-1.2-01]. Các hội đồng khác trong nhà trường gồm: Hội đồng thi đua khen thưởng có 09 người [H1-1.2-02]; Hội đồng chấm sáng kiến có 09 người [H1-1.2-03]; Hội đồng chấm thi giáo viên giỏi cấp trường có 07 người [H1-1.2-04].
2. Hội đồng trường đáp ứng yêu cầu cơ cấu tổ chức, thực hiện quyết nghị về mục tiêu, chiến lược, các dự án, kế hoạch đầu tư và phát triển của nhà trường trong từng năm học; quyết nghị về tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản của nhà trường; giám sát các hoạt động của nhà trường và tổ chức sinh hoạt mỗi tháng một lần [H1-1.2-01]. Hội đồng thi đua khen thưởng tổ chức phát động phong trào thi đua trong toàn đơn vị, đề nghị danh sách khen thưởng đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em trong nhà trường [H1-1.2-02]. Hội đồng chấm sáng kiến tổ chức đăng kí thi đua đầu năm để tư vấn, xét duyệt và chấm các sáng kiến cấp trường, đề xuất xét duyệt các sáng kiến cấp quận và thành phố, tuy nhiên có 02 thành viên trong Hội đồng chấm sáng kiến còn hạn chế về kỹ năng tư vấn [H1-1.2-03]. Hội đồng chấm thi giáo viên giỏi phát động phong trào thi giáo viên giỏi cấp trường, tổ chức chấm thi và đề nghị danh sách khen thưởng đối với giáo viên [H1-1.2-04].
3. Vào cuối mỗi năm học, thông qua các buổi hội họp, các hội đồng trong nhà trường tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung nhân sự cho phù hợp với tình hình thực tế của trường đồng thời đánh giá kết quả hoạt động của các hội đồng trong nhà trường [H1-1.2-05].

Mức 2:

Các hội đồng trong nhà trường tổ chức, thực hiện hoạt động hiệu quả nhiệm vụ được giao: Hội đồng trường đã quyết nghị mục tiêu, chiến lược, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, nội quy, quy chế của đơn vị, việc sử dụng tài chính, tài sản, thực hiện quy chế dân chủ và thực hiện nhiệm vụ giám sát các hoạt động trong nhà trường; Hội đồng thi đua khen thưởng đã phát động phong trào thi đua trong đơn vị, bình xét thi đua 2 lần/ năm học vào học kỳ I và cuối năm, đề xuất khen thưởng cấp quận, thành phố và cấp cao cho tập thể và các cá nhân; Hội đồng chấm sáng kiến đã định hướng cho các cá nhân thực hiện sáng kiến; kiểm tra, đôn đốc viết sáng kiến; xét duyệt các sáng kiến cấp trường và thực hiện hồ sơ đề nghị công nhận sáng kiến quận, thành phố; Hội đồng chấm thi giáo viên giỏi cấp trường thực hiện nhiệm vụ chấm thi, đánh giá kết quả và đề xuất khen thưởng giáo viên; hoạt động của các hội đồng trong nhà trường đã góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trong nhà trường [H1-1.2-05].

**2. Điểm mạnh**

Các hội đồng trong nhà trường được thành lập đầy đủ và thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định. Hoạt động của các hội đồng được tổ chức thực hiện có hiệu quả, được rà soát, đánh giá trong từng năm học, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Có 02 thành viên trong Hội đồng chấm sáng kiến còn hạn chế về kỹ năng tư vấn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2020-2021 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục duy trì hoạt động của các hội đồng trong đơn vị; tháng 02/2021 xây dựng kế hoạch bồi dưỡng kỹ năng tư vấn cho các thành viên của Hội đồng chấm sáng kiến; tổ chức họp Hội đồng sáng kiến vào tháng 3 hằng năm để hướng dẫn, bồi dưỡng kỹ năng tư vấn, cách xét duyệt sáng kiến có chất lượng cho các thành viên trong hội đồng.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

***Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường***

Mức 1:

*a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;*

*b) Hoạt động theo quy định;*

*c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

*a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm* hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) *Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.*

Mức 3:

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm* hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) *Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

1. Công đoàn trường hoạt động theo nhiệm kỳ 05 năm với 62 công đoàn viên [H1-1.3-01]; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trường có 20 đoàn viên [H1-1.3-02]; ngoài ra còn có Chi hội Khuyến học với 62 hội viên [H1-1.3-03] và Chi hội Chữ thập đỏ với 62 hội viên [H1-1.3-04].
2. Các tổ chức Công đoàn [H1-1.3-01], Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh [H1-1.3-02], Chi hội Khuyến học [H1-1.3-03], Chi hội Chữ thập đỏ [H1-1.3-04] hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức, góp phần cùng nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục [H1-1.1-04].
3. Hằng năm vào tháng 5, căn cứ vào kế hoạch và nhiệm vụ được giao, các tổ chức trong nhà trường được rà soát và đánh giá hoạt động thông qua việc báo cáo tổng kết hoạt động vào cuối mỗi năm học [H1-1.1-04].

Mức 2:

1. Chi bộ Trường Mầm non 13 có 17 đảng viên đạt tỷ lệ 27,42%; đây là lực lượng nòng cốt lãnh đạo các hoạt động trong nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục đạt hiệu quả cao, tuy nhiên tỷ lệ đảng viên chưa đạt 30% trên tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường theo Chỉ thị số 07-CT/QU ngày 24/9/2013 của Ban Thường vụ Quận ủy về tập trung lãnh đạo công tác phát triển đảng viên trong các trường học trên địa bàn quận Bình Thạnh; Bí thư chi bộ là hiệu trưởng và phó bí thư là phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục được chuẩn y theo quyết định của Đảng ủy Phường 13; Chi bộ trường hoạt động theo quy chế, nghị quyết dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy Phường 13 [H1-1.3-05]. Trong 05 năm qua Chi bộ được đánh giá như sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Năm 2015** | **Năm 2016** | **Năm 2017** | **Năm 2018** | **Năm 2019** |
| **Kết quả đánh giá Chi bộ** | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ | Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ | Hoàn thành xuất sắc tiêu biểu | Hoàn thành tốt nhiệm vụ | Hoàn thành tốt nhiệm vụ |

[H1-1.3-05].

b) Các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường tích cực vận động đoàn viên, hội viên tham gia các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước, có nhiều đóng góp tích cực vào các hoạt động của nhà trường [H1-1.3-06]. Công đoàn vận động đoàn viên tích cực tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện [H1-1.3-01]; Chi đoàn vận động đoàn viên tích cực tham gia “Ngày Chủ nhật xanh” [H1-1.3-02]; Chi hội Khuyến học thực hiện chương trình tặng quà cho trẻ có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp Tết Nguyên Đán và cuối năm học, trao học bổng Nguyễn Đức Cảnh và khen thưởng trẻ và giáo viên đạt thành tích cao trong học tập, công tác [H1-1.3-03]; hàng năm Chi hội Chữ thập đỏ vận động từ 03 - 05 hội viên tham gia hiến máu nhân đạo tình nguyện, tham gia Hội thi Sơ cấp cứu cấp quận đều đạt giải cao [H1-1.3-04].

Mức 3:

a) Từ năm 2015 đến năm 2019, Chi bộ có 03 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó có 01 năm được công nhận Chi bộ xuất sắc tiêu biểu [H1-1.3-05].

b) Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường có nhiều đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng: Công đoàn đóng góp các loại quỹ xã hội, chăm lo cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn và đồng nghiệp vùng sâu, vùng xa [H1-1.3-01]. Chi đoàn thực hiện tốt công trình thanh niên “Xây dựng trường em xanh - sạch - đẹp - an toàn” [H1-1.3-02]. Chi hội Khuyến học thực hiện hiệu quả công tác khuyến học khuyến tài [H1-1.3-03]. Chi hội Chữ thập đỏ thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe trẻ em và cán bộ, giáo viên, nhân viên; hiến máu nhân đạo, tuyên truyền vận động hội viên tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện [H1-1.3-04]. Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong 05 năm liền [H1-1.3-07].

1. **Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức khác trong nhà trường tích cực tham gia các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước, có nhiều đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng. Chi bộ có lực lượng nòng cốt lãnh đạo các hoạt động trong nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục đạt hiệu quả cao.

**3. Điểm yếu**

Tỷ lệ đảng viên Chi bộ chưa đạt 30% trên tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường theo Chỉ thị số 07-CT/QU ngày 24/9/2013 của Ban Thường vụ Quận ủy về tập trung lãnh đạo công tác phát triển đảng viên trong các trường học trên địa bàn quận Bình Thạnh.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2020 - 2021, cán bộ quản lý và tập thể giáo viên, nhân viên tiếp tục duy trì, giữ vững các thành tích mà nhà trường đã đạt. Tiếp tục rà soát, củng cố cơ cấu tổ chức bộ máy của các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường theo quy định; phát huy vai trò của các đoàn thể và tổ chức xã hội trong nhà trường để nâng cao chất lượng hoạt động. Cán bộ quản lý tham mưu với Cấp ủy Chi bộ có kế hoạch tạo nguồn phát triển đảng viên trong 03 năm từ năm 2021 đến năm 2023. Vào tháng 12 hằng năm, Công đoàn và Chi đoàn giới thiệu từ 03 - 04 đoàn viên ưu tú cho Đảng xem xét kết nạp và phấn đấu mỗi năm kết nạp từ 01 - 02 đảng viên nhằm đạt chỉ tiêu được giao.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3

***Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng***

*Mức 1:*

*a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định.*

*b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định.*

*c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

*Mức 2:*

*a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.*

*b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

*Mức 3:*

*a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.*

*b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

1. Đến thời điểm tự đánh giá, Trường Mầm non 13 có hiệu trưởng; đủ 02 phó hiệu trưởng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập [H1-1.4-01].
2. Toàn trường có 6 tổ, gồm 05 tổ chuyên môn (tổ nhà trẻ, tổ mầm, tổ chồi, tổ lá, tổ cấp dưỡng) và 01 tổ văn phòng. Tổ chuyên môn có giáo viên và nhân viên nấu ăn; tổ văn phòng có nhân viên kế toán, văn thư, thủ quỹ, nhân viên y tế, bảo vệ và nhân viên phục vụ. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng đều có tổ trưởng, tổ phó theo quy định [H1-1.4-02].
3. Tổ chuyên môn có kế hoạch hoạt động chung của tổ theo năm, tháng, tuần nhằm thực hiện chương trình giáo dục mầm non; thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên; kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường [H1-1.4-03]; tham gia đánh giá xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non [H1-1.4-04]; đề xuất khen thưởng giáo viên, nhân viên và tổ chức sinh hoạt định kỳ hai tuần một lần, tuy nhiên, giáo viên chưa đi sâu thảo luận về phương pháp giáo dục và hình thức tổ chức giờ dạy trong sinh hoạt chuyên môn [H1-1.4-03].

Tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động của tổ hằng tháng nhằm phục vụ cho việc thực hiện các hoạt động của nhà trường về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em [H1-1.4-05]; tổ văn phòng giúp hiệu trưởng quản lý tài chính, tài sản [H1-1.4-06]; [H1-1.4-07]; lưu giữ hồ sơ của nhà trường [H1-1.4-08]; bồi d­ưỡng chuyên môn, nghiệp vụ [H1-1.4-05]; kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường thông qua đánh giá viên chức hằng năm [H1-1.4-09] và tổ chức sinh hoạt định kỳ hai tuần một lần; tuy nhiên nhân viên tổ văn phòng chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến trong các buổi sinh hoạt chuyên môn [H1-1.4-05].

Mức 2:

1. Hằng năm, các tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện các chuyên đề nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục như: “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”, “Xây dựng môi trường thiên nhiên trong tổ chức hoạt động và tăng cường vận động cho trẻ”, “Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội”, chuyên đề “Giáo dục kỹ năng sống”, “Đổi mới hoạt động giáo dục âm nhạc”, “Đổi mới hoạt động tạo hình”, “Đổi mới hoạt động làm quen chữ viết”, “Đổi mới phát triển ngôn ngữ”, “Chế biến thức ăn cho trẻ từ 13-18 tháng tuổi”, “Đổi mới tổ chức giờ ăn cho trẻ”, … [H1-1.4-10].
2. Cuối mỗi năm học, Hội đồng trường tổ chức rà soát tình hình nhân sự và đánh giá kết quả hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng để có kế hoạch điều chỉnh, bổ sung nhân sự của tổ cho năm học mới, thông qua các buổi họp cuối năm [H1-1.4-02].

Mức 3:

1. Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có nhiều đóng góp hiệu quả trong việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non, bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên, nhân viên trong tổ; đánh giá chất lượng công tác chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em; quản lý tốt tài sản, tài chính và thực hiện đầy đủ các loại hồ sơ, sổ sách đã góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường [H1-1.1-04].
2. Các tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề cấp trường, cấp quận và cấp thành phố; qua chuyên đề giáo viên được bồi dưỡng chuyên môn, nâng cao kỹ năng nghiệp vụ, đã góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trong nhà trường [H1-1.1-04]; [H1-1.4-10].
3. **Điểm mạnh**

Cán bộ quản lý và các tổ chuyên môn, tổ văn phòng trong nhà trường được cơ cấu đầy đủ theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có nhiều đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. **Điểm yếu**

Giáo viên chưa đi sâu thảo luận về phương pháp đổi mới giáo dục và hình thức tổ chức giờ dạy trong sinh hoạt chuyên môn. Nhân viên tổ văn phòng chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến trong các buổi sinh hoạt chuyên môn.

1. **Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2020 - 2021, hiệu trưởng tiếp tục hướng dẫn, chỉ đạo việc xây dựng và thực hiện kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên, nhân viên tại từng tổ chuyên môn; hướng dẫn tổ trưởng các tổ chuyên môn và tổ văn phòng xây dựng kế hoạch của tổ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức dự giờ, kiểm tra bồi dưỡng cụ thể từng nhân viên trong tổ.

Tiếp tục chỉ đạo các tổ chuyên môn thực hiện chuyên đề cấp tổ cho các thành viên trong tổ học tập, chia sẻ kinh nghiệm.

Phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục tiếp tục dự giờ, kiểm tra việc tổ chức sinh hoạt chuyên môn, bồi dưỡng giáo viên.

Phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc, nuôi dưỡng dự giờ, kiểm tra việc tổ chức sinh hoạt tại tổ cấp dưỡng, bồi dưỡng nhân viên nấu ăn.

Hiệu trưởng dự sinh hoạt chuyên môn tại tổ văn phòng và bồi dưỡng nhân viên tổ văn phòng thực hiện nhiệm vụ được giao, hướng dẫn tổ trưởng tổ cấp dưỡng và tổ văn phòng kỹ năng, bồi dưỡng nghiệp vụ cho từng thành viên trong tổ; trong buổi họp gợi ý nhân viên tổ văn phòng có ý kiến đóng góp cho tổ để chất lượng sinh hoạt tổ đạt hiệu quả cao.

1. **Tự đánh giá:** Đạt Mức 3

***Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo***

Mức 1:

*a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép.*

*b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 2 buổi trên ngày.*

*c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ em cùng một dạng khuyết tật.*

Mức 2:

*Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.*

Mức 3:

*Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

1. Ngay tại thời điểm đánh giá, các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo được phân chia độ tuổi theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, gồm:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm, lớp** | **Số trẻ thực tế** | **Nhóm, lớp** | **Số trẻ thực tế** |
| Sóc Nâu  (13 - 18 tháng) | 16 | Chồi 1  (4 - 5 tuổi) | 26 |
| Hươu Sao  (19 - 24 tháng) | 20 | Chồi 2  (4 - 5 tuổi) | 29 |
| Mi Sa  (25 - 36 tháng) | 25 | Chồi 3  (4 - 5 tuổi) | 28 |
| Sơn Ca  (25 - 36 tháng) | 25 | Chồi 4  (4 - 5 tuổi) | 28 |
| Kit Ty  (25 - 36 tháng) | 25 | Chồi 5  (4 - 5 tuổi) | 28 |
| Mầm 1  (3 - 4 tuổi) | 25 | Lá 1  (5 - 6 tuổi) | 35 |
| Mầm 2  (3 - 4 tuổi) | 25 | Lá 2  (5 - 6 tuổi) | 35 |
| Mầm 3  (3 - 4 tuổi) | 25 | Lá 3  (5 - 6 tuổi) | 35 |
| Mầm 4  (3 - 4 tuổi) | 25 | Lá 4  (5 - 6 tuổi) | 35 |
| Mầm 5  (3 - 4 tuổi) | 25 | Lá 5  (5 - 6 tuổi) | 35 |

[H1-1.5-01].

1. Trẻ tại các nhóm nhà trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 2 buổi/ngày và được ăn bán trú tại trường [H1-1.5-02].
2. Trong 05 năm học vừa qua, nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.1-04].

Mức 2:

Tại thời điểm tự đánh giá, số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi không vượt quá quy định tại Điều lệ trường mầm non, cụ thể như sau: 01 nhóm trẻ 13 - 18 tháng với 16 trẻ; chưa đủ số trẻ quy định là 20 trẻ/nhóm tại Điều lệ trường mầm non; 01 nhóm trẻ 19 - 24 tháng với 20 trẻ; 3 nhóm trẻ 25 - 36 tháng với 75 trẻ, trung bình 25 trẻ/nhóm; 05 lớp mẫu giáo 3 – 4 tuổi với 125 trẻ, trung bình 25 trẻ/lớp; 05 lớp mẫu giáo 4 – 5 tuổi với 139 trẻ, trung bình 28 trẻ/lớp và 05 lớp mẫu giáo 5 – 6 tuổi với 175 trẻ, trung bình 35 trẻ/lớp. Lớp có số trẻ nhiều nhất là tại các lớp mẫu giáo 5 – 6 tuổi với 35 trẻ/lớp và lớp có số trẻ ít nhất là tại nhóm 13 - 18 tháng với 16 trẻ/nhóm [H1-1.5-01].

Mức 3:

Trường có tổng số 20 nhóm, lớp trong đó có 05 nhóm nhà trẻ và 15 lớp mẫu giáo [H1-1.5-01].

1. **Điểm mạnh**

Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và số trẻ trong từng nhóm, lớp được phân chia đúng độ tuổi theo quy định của Điều lệ trường mầm non. 100% trẻ được học 02 buổi tại trường.

1. **Điểm yếu**

Số trẻ tại nhóm 13 - 18 tháng tuổi còn ít, chưa đủ số trẻ quy định là 20 trẻ/nhóm tại Điều lệ trường mầm non

1. **Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2020 - 2021, cán bộ quản lý tiếp tục duy trì số nhóm, lớp và số trẻ theo đúng quy định của Điều lệ trường mầm non. Cán bộ quản lý phối hợp với hội đồng giáo dục phường thông tin rộng rãi đến nhân dân trên địa bàn phường kế hoạch tuyển sinh của trường nhằm huy động thêm trẻ 13 - 18 tháng tuổi đến trường.

1. **Tự đánh giá:** Đạt Mức 3

***Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản***

*Mức 1:*

*a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định.*

*b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành.*

*c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

*Mức 2:*

*a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường.*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

*Mức 3:*

*Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

1. Hồ sơ, văn bản trong nhà trường được lưu trữ đầy đủ, khoa học theo quy định của Luật lưu trữ gồm: Hồ sơ quản lý trẻ em [H1-1.5-02]; hồ sơ quản lý nhân sự [H1-1.6-01]; hồ sơ quản lý chuyên môn [H1-1.6-02]; sổ lưu trữ các công văn [H1-1.4-08]; hồ sơ quản lý tài chính [H1-1.4-06]; hồ sơ quản lý tài sản [H1-1.4-07], hồ sơ cơ sở vật chất [H1-1.6-03], hồ sơ quản lý bán trú [H1-1.6-04].
2. Tháng 12 hằng năm, kế toán tham mưu với hiệu trưởng thực hiện lập dự toán ngân sách cho năm tiếp theo trình Phòng Tài chính - Kế hoạch và Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh phê duyệt; thực hiện thu – chi, quyết toán tài chính theo các văn bản chỉ đạo và theo quy định; báo cáo kịp thời tài chính, ngân sách hàng tháng, hàng quý, 6 tháng đầu năm và cuối năm; hiệu trưởng phối hợp với Ban kiểm tra nội bộ trường thực hiện tự kiểm tra tài chính mỗi tháng một lần [H1-1.4-06]; tự kiểm tra tài sản theo quy định [H1-1.4-07]. Hiệu trưởng chỉ đạo nhân viên văn thư thực hiện công khai cơ sở vật chất, công khai đội ngũ, công khai tài chính, công khai chất lượng giáo dục với tập thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và cha mẹ học sinh trên cổng thông tin điện tử, trên bản tin của trường và công khai tại Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức hằng năm [H1-1.6-05]; Quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng, bổ sung, cập nhật hằng năm phù hợp với điều kiện thực tế đơn vị và các quy định hiện hành [H1-1.6-06].
3. Hiệu trưởng quản lý và chỉ đạo nhân viên kế toán sử dụng tài chính đúng mục đích và đúng quy định [H1-1.1-04], [H1-1.4-06]; giáo viên, nhân viên sử dụng, giữ gìn và bảo quản tốt tài sản trường, lớp và phòng làm việc nhằm phục vụ các hoạt động giáo dục trong nhà trường H1-1.1-04], [H1-1.4-07].

Mức 2:

1. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường đạt hiệu quả cao thông qua sử dụng cổng thông tin điện tử, phần mềm quản lý cán bộ công chức, viên chức, phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục, phần mềm quản lý học sinh, phần mềm tính khẩu phần dinh dưỡng, phần mềm quản lý tài chính, tài sản Imax 10,… [H1-1.6-07]. Tuy nhiên việc ứng dụng công nghệ thông tin về thu học phí không dùng tiền mặt thực hiện chưa sâu rộng đối với cha mẹ trẻ.
2. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không xảy ra các trường hợp vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản [H1-1.4-07].

Mức 3:

Hiệu trưởng có kế hoạch ngắn hạn hằng tháng, trung hạn hằng năm và dài hạn 05 năm để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp, phù hợp với điều kiện nhà trường và thực tế của địa phương được lồng ghép vào kế hoạch năm, tháng của nhà trường [H1-1.1-04] để tạo ra các nguồn quỹ như: quỹ phát triển sự nghiệp, quỹ phúc lợi, quỹ bổ sung thu nhập, quỹ khen thưởng,...[H1-1.4-06]; huy động các tổ chức, cá nhân xây dựng nguồn tài trợ giáo dục để xây dựng cơ sở vật chất nhà trường [H1-1.6-08].

1. **Điểm mạnh**

Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định. Công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường thực hiện đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

1. **Điểm yếu**

Việc ứng dụng công nghệ thông tin về thu học phí không dùng tiền mặt thực hiện chưa sâu rộng đối với cha mẹ học sinh.

1. **Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ tháng 01 năm 2021, hiệu trưởng phối hợp với Ngân hàng Quân đội (SSC) triển khai việc thu học phí không dùng tiền mặt đến tất cả phụ huynh học sinh. Kế toán, thủ quỹ cập nhật phần mềm và tiến hành thực hiện thu học phí trên hệ thống phần mềm của SSC.

Cán bộ quản lý tiếp tục duy trì phát huy việc lưu trữ hồ sơ quản lý và công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản trong đơn vị theo quy định.

Nhân viên văn thư tiếp tục thực hiện lưu trữ và chuyển giao công văn đi-đến theo quy định.

Kế toán phối hợp với thủ quỹ tiếp tục thực hiện thu - chi, cập nhật hồ sơ sổ sách và quyết toán tài chính theo quy định;

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tiếp tục bảo quản tài sản được phân công quản lý và thực hiện tự kiểm tra tài sản vào cuối học kỳ và cuối năm học.

**Tự đánh giá:** Đạt Mức 3

***Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên***

*Mức 1:*

*a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên.*

*b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường.*

*c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.*

*Mức 2:*

*Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

1. Hằng năm, nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ thông qua việc cử cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham gia học tập các lớp nâng cao trình độ [H1-1.7-01]; thực hiện kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên theo kế hoạch trong từng năm học [H1-1.7-02]; tổ chức thao giảng các chuyên đề trọng tâm trong từng năm học [H1-1.4-10]; dự giờ, bồi dưỡng giáo viên, nhân viên [H1-1.7-03] và trao đổi thảo luận, rút kinh nghiệm trong các buổi sinh hoạt chuyên môn định kỳ của tổ [H1-1.4-03] và sinh hoạt chuyên môn của trường [H1-1.7-04].
2. Trong từng năm học, hiệu trưởng phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên thực hiện nhiệm vụ cụ thể, phù hợp với năng lực của từng cá nhân, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường [H1-1.6-01].
3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền khi thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em [H1-1.1-04]; được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ [H1-1.7-01]; được hưởng lương, phụ cấp và các chế độ khác theo quy định của pháp luật [H1-1.7-05]; được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần và được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo chế độ, chính sách quy định đối với nhà giáo; được bảo vệ nhân phẩm, danh dự và được thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật [H1-1.7-06].

Mức 2:

Cán bộ quản lý phát huy năng lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục thông qua việc giới thiệu, đề cử cán bộ quản lý quy hoạch [H1-1.7-07]; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó chuyên môn [H1-1.4-02]; tạo điều kiện để cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia các lớp học nâng cao trình độ chuyên, nghiệp vụ [H1-1.7-01]; tổ chức chuyên đề nhằm nâng cao kỹ năng sư phạm và đổi mới phương pháp giáo dục [H1-1.4-10] và thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách cho đội ngũ [H1-1.7-05]. Tuy nhiên, có 02 giáo viên lớn tuổi nên khả năng vận dụng phương pháp đổi mới giáo dục còn chậm [H1-1.7-04].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Việc phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường được đảm bảo các quyền theo quy định của Điều lệ trường mầm non.

1. **Điểm yếu**

Có 02 giáo viên lớn tuổi nên khả năng vận dụng phương pháp đổi mới giáo dục còn chậm.

1. **Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Lãnh đạo trường tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ; cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tiếp tục đăng ký tham gia học các lớp nâng cao trình độ chuyên môn sư phạm. tiếp tục duy trì việc phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường.

Đối với giáo viên lớn tuổi, phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục phối hợp với tổ trưởng tổ nhà trẻ có kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn thông qua việc đăng ký tiết dạy tốt hàng tháng, qua dự giờ thăm lớp, qua các buổi sinh hoạt chuyên môn và qua việc học bồi dưỡng thường xuyên nhằm duy trì và giữ vững chất lượng chuyên môn của nhà trường.

1. **Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

***Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục***

*Mức 1:*

*a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường.*

*b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ.*

*c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

*Mức 2:*

*Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

1. Kế hoạch hoạt động giáo dục của nhà trường được thực hiện theo năm tháng, tuần đảm bảo phù hợp với quy định của Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường [H1-1.8-01].
2. Kế hoạch giáo dục của giáo viên được thực hiện bằng phần mềm Mind Manager đảm bảo đầy đủ các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ phù hợp với từng lứa tuổi từ nhà trẻ đến mẫu giáo [H1-1.8-02]. Tuy nhiên, việc thực hiện kế hoạch giáo dục của 01 giáo viên lứa tuổi nhà trẻ chưa đạt chất lượng cao.
3. Định kỳ hằng tháng, sau mỗi học kỳ và đầu năm học, phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục phối hợp cùng giáo viên tiến hành rà soát, đánh giá việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục, nhận xét những ưu điểm và khuyết điểm trong kế hoạch, đánh giá những điểm làm tốt và những chỗ còn hạn chế trong kế hoạch của từng giáo viên [H1-1.7-04], từ đó giúp giáo viên điều chỉnh kế hoạch hoạt động giáo dục cho phù hợp với thực tế đơn vị và điều kiện của trường, lớp [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

Mức 2:

Phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục phối hợp với các tổ trưởng chuyên môn chỉ đạo giáo viên tổ chức các hoạt động giáo dục theo chế độ sinh hoạt trong ngày phù hợp với trẻ ở từng lứa tuổi theo Chương trình giáo dục mầm non [H1-1.8-01]; hằng tháng, Ban Kiểm tra nội bộ của nhà trường thực hiện kiểm tra, đánh giá các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em thông qua việc dự giờ giáo viên [H1-1.8-03]. Việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non của trường được Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh đánh giá thực hiện tốt thông qua các lần kiểm tra các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của nhà trường [H1-1.8-04].

1. **Điểm mạnh**

Nhà trường quản lý chặt chẽ việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và phân công rõ ràng, cụ thể từng cán bộ quản lý, giáo viên thực hiện đầy đủ các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Kế hoạch giáo dục được xây dựng; triển khai và rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời trong từng học kỳ và từng năm học.

1. **Điểm yếu**

Việc thực hiện kế hoạch giáo dục của 01 giáo viên lứa tuổi nhà trẻ chưa đạt chất lượng cao.

1. **Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2010 - 2021, cán bộ quản lý tiếp tục duy trì công tác quản lý các hoạt động giáo dục, tổ chức cho giáo viên thực hiện tốt các kế hoạch giáo dục nhằm không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường.

Vào đầu mỗi năm học, phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục phối hợp với tổ trưởng chuyên môn tiếp tục bồi dưỡng, hướng dẫn giáo viên thực hiện kế hoạch giáo dục bằng phần mềm Mind Manager, trong đó tăng cường bồi dưỡng giáo viên lớn tuổi, giáo viên mới tuyển dụng; tổ trưởng phối hợp với giáo viên trong tổ trao đổi, thảo luận cách thức xây dựng kế hoạch giáo dục có chất lượng và tổ chức nhân rộng cho giáo viên trong tổ và toàn trường học tập.

Tiếp tục rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch để có sự điều chỉnh kế hoạch trong thời gian tiếp theo.

Phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục tiếp tục phát động giáo viên đăng ký các hoạt động dạy tốt, tạo điều kiện để tổ trưởng, tổ phó và các giáo viên trong tổ được dự giờ thăm lớp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của giáo viên trong nhà trường.

1. **Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

***Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở***

*Mức 1:*

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường.*

*b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật.*

*c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.*

*Mức 2:*

*Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

1. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến về chủ trương, giải pháp thực hiện nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến kế hoạch, đề án, dự án, chiến lược, định hướng phát triển của nhà trường; kế hoạch năm, tháng của đơn vị; việc tổ chức phong trào thi đua; báo cáo sơ kết, tổng kết; các biện pháp cải tiến tổ chức, hoạt động trong nhà trường và lề lối làm việc; công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động; việc thực hiện các chế độ, chính sách liên quan đến quyền và lợi ích chính đáng của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động và nội quy, quy chế của nhà trường [H1-1.9-01].
2. Các kiến nghị của giáo viên về nội quy đơn vị, quy chế chi tiêu nội bộ, thang điểm thi đua được cán bộ quản lý trả lời và giải quyết kịp thời tại Hội nghị cán bộ công chức, viên chức hằng năm [H1-1.7-06]. Việc phản ánh của cha mẹ trẻ về chăm sóc giáo dục trẻ đối với giáo viên được hiệu trưởng trả lời và kịp thời giải quyết thỏa đáng đã làm cho giáo viên, nhân viên và cha mẹ trẻ an tâm, tin tưởng vào tổ chức hoạt động của nhà trường [H1-1.7-06]; [H1-1.9-02]. Trong 05 năm qua, nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo [H1-1.1-04]; [H1-1.9-02]; [H1-1.9-03].
3. Hồ sơ quy chế dân chủ cơ sở được thực hiện đầy đủ và báo cáo với Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh, Đảng ủy Phường 13 kịp thời, đúng thời gian 6 tháng đầu năm và cuối năm theo quy định [H1-1.9-01].

Mức 2:

Công tác giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường được thực hiện công khai, minh bạch và có sự giám sát chặt chẽ của Ban Thanh tra nhân dân theo kế hoạch [H1-1.9-01]; [H1-1.9-03]. Tuy nhiên, các thành viên trong Ban Thanh tra nhân dân chưa có sự phân công nhiệm vụ cụ thể để thực hiện giám sát quy chế dân chủ trong hoạt động nhà trường [H1-1.9-03].

**2. Điểm mạnh**

Quy chế dân chủ cơ sở trong nhà trường được thực hiện đầy đủ, đảm bảo công khai, minh bạch, đạt hiệu quả. Trong 05 năm qua, nhà trường không xảy ra khiếu nại, tố cáo.

1. **Điểm yếu**

Các thành viên trong Ban Thanh tra nhân dân chưa có sự phân công nhiệm vụ cụ thể để thực hiện giám sát quy chế dân chủ trong hoạt động nhà trường.

1. **Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Cán bộ quản lý tiếp tục duy trì hiệu quả của việc thực hiện quy chế dân chủ trong đơn vị. Từ năm học 2020 - 2021, các tổ chức đoàn thể phối hợp với Ban thanh tra nhân dân xây dựng kế hoạch giám sát hoạt động quy chế dân chủ trong nhà trường cụ thể theo năm, tháng; trong đó xác định rõ biện pháp giám sát, nội dung giám sát, hình thức giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong mọi hoạt động của nhà trường và có sự phân công cụ thể từng thành viên thực hiện từng nội dung giám sát theo đúng nhiệm vụ được giao.

1. **Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

***Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học***

*Mức 1:*

*a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm.*

*b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường.*

*c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.*

*Mức 2:*

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường.*

*b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

1. Nhà trường có phương án đảm bảo an ninh trật tự trường học [H1-1.10-01]; phương án đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm [H1-1.10-02]; phương án an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích, thảm họa, thiên tai [H1-1.10-03]; phương án an toàn phòng, chống cháy, nổ [H1-1.10-04]; phương án phòng, chống dịch bệnh [H1-1.10-05]; phương án phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-06]. Bếp ăn trong nhà trường đảm bảo đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm [H1-1.10-02].
2. Hộp thư góp ý, đường dây nóng số điện thoại của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và số điện thoại văn phòng để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân được đặt tại cổng trường [H1-1.10-07]; nhà trường luôn đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong đơn vị thông qua việc giáo viên quản lý, theo dõi, quan sát trẻ ở mọi lúc mọi nơi [H1-1.1-04]; cán bộ quản lý kịp thời cải tạo, sửa chữa đồ dùng, đồ chơi, thiết bị và cơ sở vật chất trường, lớp khi có hư hỏng [H1-1.6-03], thực hiện tốt “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” trong nhà trường [H1-1.10-08].
3. Trong 05 năm qua, các hoạt động trong nhà trường đều được phân công cụ thể phù hợp với năng lực của từng giáo viên, nhân viên [H1-1.6-01]. Cán bộ quản lý đối xử bình đẳng với giáo viên, nhân viên; giáo viên đối xử công bằng với trẻ, hết lòng thương yêu trẻ [H1-1.7-06]; không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường [H1-1.1-04].

Mức 2:

1. Nhà trường phổ biến, triển khai, hướng dẫn và tổ chức tập huấn, diễn tập cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ em thực hiện các phương án: Đảm bảo an ninh trật tự; an toàn vệ sinh thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực học đường; an toàn phòng, chống cháy, nổ; phòng, chống dịch bệnh [H1-1.10-09]. Tuy nhiên, cán bộ quản lý còn hạn chế về kỹ năng tập huấn phương án phòng chống thảm họa, thiên tai [H1-1.10-03].
2. Căn cứ kế hoạch kiểm tra nội bộ của nhà trường, cán bộ quản lý phối hợp với Ban kiểm tra nội bộ tổ chức kiểm tra theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất việc tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của giáo viên tại lớp học [H1-1.8-03] nhằm phát hiện và kịp thời ngăn chặn các hành vi, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, cũng như theo dõi tình hình an ninh trật tự trong nhà trường [H1-1.10-09]; [H1-1.10-10]. Trong 05 năm qua, nhà trường không xảy ra các hiện tượng bạo lực học đường và mất an ninh trật tự trường học [H1-1.1-04].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường xây dựng và phổ biến, triển khai đầy đủ các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. Trong 05 năm qua, không xảy ra hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới, bạo lực học đường và mất an ninh trật tự trong nhà trường.

1. **Điểm yếu**

Cán bộ quản lý còn hạn chế về kỹ năng tập huấn phương án phòng chống thảm họa, thiên tai.

1. **Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2020-2021, cán bộ quản lý tiếp tục phát huy việc tổ chức phổ biến, triển khai, hướng dẫn, tập huấn, kiểm tra công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.

Cán bộ quản lý nghiên cứu các văn bản về phòng chống thảm họa, thiên tai; học kỳ II năm học 2020 - 2021 tổ chức mời báo cáo viên của quận hoặc thành phố về tập huấn, triển khai công tác phòng chống thảm họa, thiên tai đến toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường.

1. **Tự đánh giá:** Đạt Mức 2

**Kết luận về Tiêu chuẩn 1:**

- Điểm mạnh nổi bật:

+ Trường Mầm non 13 có phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường; có đủ cơ cấu tổ chức bộ máy.

+ Số trẻ trong từng nhóm, lớp được phân chia đúng quy định của Điều lệ trường mầm non.

+ Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và sự quản lý của cơ quan giáo dục các cấp.

+ Cán bộ quản lý luôn quan tâm, chỉ đạo sâu sát các phong trào thi đua, các hoạt động trong nhà trường.

+ Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho trẻ và cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của trường.

- Điểm yếu cơ bản:

+ Việc tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa có sự tham gia của cộng đồng.

+ Còn 02 thành viên trong Hội đồng chấm sáng kiến còn hạn chế về kỹ năng tư vấn.

+ Tỷ lệ đảng viên trong Chi bộ chưa đạt 30% trên tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường theo Chỉ thị số 07-CT/QU ngày 24/9/2013 của Ban Thường vụ Quận ủy về tập trung lãnh đạo công tác phát triển đảng viên trong các trường học trên địa bàn quận Bình Thạnh.

+ Giáo viên chưa đi sâu thảo luận về phương pháp đổi mới giáo dục, hình thức tổ chức giờ dạy trong sinh hoạt chuyên môn.

+ Số trẻ tại nhóm 13 - 18 tháng tuổi còn ít, chưa đủ số trẻ quy định là 20 trẻ/nhóm tại Điều lệ trường mầm non.

+ Việc ứng dụng công nghệ thông tin về thu học phí không dùng tiền mặt thực hiện chưa sâu rộng đối với cha mẹ trẻ.

+ Có 02 giáo viên lớn tuổi nên khả năng vận dụng phương pháp đổi mới giáo dục còn chậm.

+ Việc thực hiện kế hoạch giáo dục của 01 giáo viên lứa tuổi nhà trẻ chưa cao.

+ Các thành viên trong Ban Thanh tra nhân dân chưa có sự phân công nhiệm vụ cụ thể để thực hiện nhiệm vụ giám sát quy chế dân chủ trong hoạt động nhà trường.

+ Cán bộ quản lý còn hạn chế về kỹ năng tập huấn phương án phòng chống thảm họa, thiên tai.

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/10

**Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

**Mở đầu**

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên là yếu tố quyết định sự phát triển của nhà trường. Đó phải là đội ngũ đạt chuẩn về đào tạo, có đầy đủ phẩm chất năng lực cần thiết và không ngừng học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu của công việc. Chính vì vậy, nhà trường luôn tập trung công tác đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên để có đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ chung. Với những nỗ lực trong nhiều năm qua, Trường Mầm non 13 đã từng bước đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường.

***Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng***

Mức 1

*a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*

*b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*

*c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*

*b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3

*Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.*

**1. Mô tả thực trạng**

Mức 1

1. Hiệu trưởng có trình độ đại học giáo dục mầm non, có 32 năm công tác liên tục trong ngành giáo dục mầm non; 02 phó hiệu trưởng có trình độ đại học sư phạm mầm non, đều có 22 năm công tác liên tục trong ngành giáo dục mầm non; tất cả cán bộ quản lý trường đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý, có trình độ trung cấp lý luận chính trị, có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ; có năng lực tổ chức, quản lý nhà trường, đủ sức khoẻ để thực hiện nhiệm vụ quản lý trường mầm non; tuy nhiên, so với các đơn vị trong quận, cán bộ quản lý của trường chưa tham gia các lớp cao học để nâng cao trình độ quản lý giáo dục và lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ Anh văn từ B1 trở lên [H1-1.4-01].
2. Hằng năm, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được đánh giá theo Quy định chuẩn hiệu trưởng trường mầm non, như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Chu kỳ**  **năm học 2018-2019 và**  **năm học 2019-2020** |
| Hiệu trưởng | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | Tốt |
| Phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | Tốt |
| Phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc, nuôi dưỡng | Xuất sắc | Xuất sắc | Xuất sắc | Khá |

[H2-2.1-01].

1. Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng tham dự đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục như: nghiệp vụ quản lý ngạch chuyên viên, chứng chỉ đào tạo đấu thầu cơ bản đối với lựa chọn nhà thầu, kiến thức quốc phòng - an ninh, anh văn, tin học [H1-1.4-01].

Mức 2

1. Trong 05 năm qua, hiệu trưởng luôn được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt theo Quy định chuẩn hiệu trưởng trường mầm non; phó hiệu trưởng được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức từ khá đến tốt theo Quy định chuẩn hiệu trưởng trường mầm non [H2-2.1-01].
2. Vào tháng 8 hằng năm, theo kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên hiệu trưởng, phó hiệu trưởng tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng chính trị hè, các buổi học nghị quyết, chỉ thị của Đảng do Quận ủy quận Bình Thạnh và Đảng ủy Phường 13 tổ chức [H1-1.7-02]; 100% cán bộ quản lý có uy tín, được đồng nghiệp và cha mẹ học sinh trong trường tín nhiệm [H2-2.1-01].

Mức 3

Trong 05 năm qua, hiệu trưởng luôn được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt; phó hiệu trưởng giáo dục luôn đánh giá đạt chuẩn phó hiệu trưởng ở mức tốt; phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc, nuôi dưỡng có 03 năm đánh giá chuẩn phó hiệu trưởng ở mức tốt, chu kỳ 2 năm học 2018-2019, 2019-2020 đánh giá ở mức khá [H2-2.1-01].

**2. Điểm mạnh**

Cán bộ quản lý đạt tiêu chuẩn theo quy định, tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị; được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng từ khá trở lên. 100% cán bộ quản lý có uy tín, được đồng nghiệp và cha mẹ học sinh tín nhiệm.

**3. Điểm yếu**

Cán bộ quản lý của trường chưa tham gia lớp cao học để nâng cao trình độ quản lý giáo dục và lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ Anh văn từ B1 trở lên.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2020 - 2021, cán bộ quản lý tiếp tục duy trì kết quả đã đạt được, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản lý, tham mưu với lãnh đạo Ủy ban nhân dân quận Bình Thạnh, Phòng Giáo dục và Đào tạo cử phó hiệu trưởng nuôi dưỡng tham gia lớp cao học vào năm học 2021 - 2022; khuyến khích 02 phó hiệu trưởng tham gia học nâng cao ngoại ngữ anh văn trình độ B1 từ học kỳ II năm học 2020 - 2021; thực hiện hỗ trợ 50% kinh phí học tập từ nguồn quỹ phát triển sự nghiệp của trường đối với cán bộ quản lý tham gia học nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3

***Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên***

Mức 1

*a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;*

*b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;*

*c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.*

Mức 2

*a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;*

*c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3

*a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.*

**1. Mô tả thực trạng**

Mức 1

1. Tính đến thời điểm tự đánh giá, trường có 43 giáo viên, trong đó có 13 giáo viên nhà trẻ và 30 giáo viên mẫu giáo, đảm bảo đủ giáo viên theo Thông tư số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập [H1-1.6-01]; [H2-2.2-01].
2. Tại thời điểm tháng 9 năm 2020, có 28/43 (65,11%) giáo viên đạt trình độ Đại học giáo dục mầm non; 09/43 (20,93%) giáo viên đạt trình độ Cao đẳng giáo dục mầm non; 06/43 (13,95%) giáo viên có trình độ Trung cấp sư phạm mầm non [H1-1.6-01] đang học Đại học và Cao đẳng giáo dục mầm non [H1-1.7-01].
3. 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên [H1-1.4-04].

Mức 2

1. Trong 05 năm qua, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được tăng dần theo lộ trình cụ thể như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Ghi chú** |
| **Đại học** | 18/42  tỷ lệ: 42,85% | 17/42  tỷ lệ: 40,47% | 21/42  tỷ lệ:  50,00% | 23/43  tỷ lệ: 53,48% | 28/45  tỷ lệ: 62,22% |  |
| **Cao đẳng** | 19/42  tỷ lệ: 45,23% | 20/42  tỷ lệ: 47,61% | 14/42  tỷ lệ:  33,33% | 14/43  tỷ lệ: 32,55% | 11/45  tỷ lệ: 24,44% |  |
| **Trung cấp** | 05/42  tỷ lệ: 11,90% | 5/42  tỷ lệ: 11,90% | 07/42  tỷ lệ: 16,66% | 06/43  tỷ lệ: 13,39% | 06/45  tỷ lệ: 13,33% | 01 giáo viên đang học Cao đẳng, 05 giáo viên đang học Đại học |

[H1-1.6-01].

1. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó 82,22% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, cụ thể như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Chu kỳ**  **Năm học 2018-2019,**  **năm học 2019-2020** |
| **Mức Tốt** | 18/42  tỷ lệ: 42,85% | 15/42  tỷ lệ: 35,71% | 16/42  tỷ lệ: 38,09% | 14/45  tỷ lệ: 31,11% |
| **Mức Khá** | 18/42  tỷ lệ: 42,85% | 23/42  tỷ lệ: 54,76% | 24/42  tỷ lệ: 57,14% | 23/45  tỷ lệ: 51,11% |
| **Mức Đạt** | 06/42  tỷ lệ: 14,28% | 03/42  tỷ lệ: 7,14% | 01/42  tỷ lệ: 2,38% | 08/45  tỷ lệ: 17,77% |

[H1-1.4-04].

c) Trong 05 năm liên tiếp, trường không có giáo viên bị kỷ luật [H1-1.1-04]; [H1-1.4-09].

Mức 3

1. Tính đến thời điểm tháng 9 năm 2020, có 28/43 giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo, tỷ lệ 65,11% [H1-1.6-01].
2. Trong 05 năm liên tiếp đến thời điểm đánh giá, có 82,22% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó 31,11% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt [H1-1.4-04].

**2. Điểm mạnh**

65,11% giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo theo quy định. 82,22% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên.

**3. Điểm yếu**

06 giáo viên có trình độ Trung cấp đang học Đại học, Cao đẳng giáo dục mầm non.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2020 - 2021, nhà trường tiếp tục duy trì chất lượng giáo viên hiện có, tạo điều kiện về thời gian để giáo viên tiếp tục theo học các lớp nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Cán bộ quản lý có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên; khuyến khích 09 giáo viên có trình độ Cao đẳng giáo dục mầm non đăng ký học lớp Đại học giáo dục mầm non; tiếp tục có chế độ chính sách hỗ trợ chi phí học tập, tập, sách, bút, tài liệu đối với giáo viên đang theo học các lớp nâng chuẩn; có kế hoạch khen thưởng đối với giáo viên có kết quả học tập tốt nhằm khuyến khích giáo viên học tập, qua đó nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên mầm non.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3

***Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên***

Mức 1

*a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;*

*b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;*

*c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.*

Mức 2

*a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3

*a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;*

*b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.*

**1*.* Mô tả hiện trạng**

Mức 1

1. Hằng năm, hiệu trưởng phân công các nhân viên đảm nhiệm các công việc như: tài chính kế toán; y tế; văn thư lưu trữ; thủ quỹ; nấu ăn; phục vụ; bảo vệ và nuôi dưỡng [H1-1.6-01]; [H2-2.3-01].
2. Nhân viên nhà trường được phân công nhiệm vụ phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế của mỗi người [H1-1.6-01].
3. Đội ngũ nhân viên hoàn thành nhiệm vụ được giao theo kế hoạch và sự phân công, điều động của hiệu trưởng [H1-1.6-01]; thực hiện tốt quy chế chuyên môn và chấp hành nội quy của nhà trường; đảm bảo an toàn cho trẻ trong ăn uống và sinh hoạt trong nhà trường; tuân thủ các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm trong chế biến ăn uống cho trẻ, không để xảy ra ngộ độc đối với trẻ; có lối sống đạo đức tốt; đoàn kết, tương trợ giúp đỡ đồng nghiệp; tham gia đầy đủ các buổi tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân và các quy định của pháp luật, của ngành, các quy định của nhà trường, quyết định của hiệu trưởng và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao [H1-1.4-09].

Mức 2

1. Số lượng nhân viên trong nhà trường được bố trí đủ theo quy định tại khoản 3 Điều 4 và khoản 4 Điều 5 Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT- BGDĐT- BNV ngày 16/3/2015 Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ, quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập gồm 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên văn thư, 01 nhân viên thủ quỹ, 04 nhân viên bảo vệ, 11 nhân viên nấu ăn, 02 nhân viên phục vụ và 17 nhân viên nuôi dưỡng [H2-2.3-01]; [H2-2.3-02].
2. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật [H1-1.1-04]; [H1-1.4-09].

Mức 3

1. Nhân viên kế toán có trình độ trung cấp kế toán; nhân viên văn thư có trình độ trung cấp văn thư lưu trữ, nhân viên y tế có trình độ trung cấp y sĩ; 06 nhân viên cấp dưỡng có chứng chỉ sơ cấp nấu ăn, 05 nhân viên cấp dưỡng đang học sơ cấp và 04 nhân viên bảo vệ đã qua lớp bồi dưỡng nghiệp vụ bảo vệ [H2-2.3-01].
2. Hằng năm, đội ngũ nhân viên cấp dưỡng được tham gia học tập, bồi dưỡng tập huấn quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm, thực hiện bài kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm do nhà trường tổ chức; nhân viên bảo vệ tham gia lớp bồi dưỡng về an ninh trật tự trường học; nhân viên y tế tham gia tập huấn về công tác y tế trường học, phòng chống dịch bệnh do Trung tâm Y tế quận Bình Thạnh tổ chức; nhân viên kế toán tham gia tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ tài chính do Phòng Tài chính - Kế hoạch quận tổ chức; nhân viên văn thư tham gia tập huấn lớp văn thư - lưu trữ do Phòng Nội vụ quận tổ chức; tất cả nhân viên đều được tập huấn kỹ năng sơ cấp cứu do nhà trường tổ chức [H1-1.1-04].

**2. Điểm mạnh**

Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định; nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm; được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí được phân công, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; trong 05 năm liên tiếp trường không có nhân viên bị kỷ luật.

**3. Điểm yếu**

Nhân viên kế toán, y tế, văn thư chỉ đạt chuẩn trình độ trung cấp; 06 nhân viên cấp dưỡng chỉ đạt trình độ sơ cấp nấu ăn, 05 nhân viên cấp dưỡng đang học sơ cấp.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ học kỳ II năm học 2020 - 2021, hiệu trưởng lập danh sách cử kế toán, văn thư, y tế tham gia học tập các lớp cao đẳng hoặc đại học phù hợp với nhiệm vụ đang đảm nhận; cử 01 nhân viên nấu ăn tham gia học tập lớp trung cấp nấu ăn. Thực hiện chế độ chính sách nhằm khuyến khích nhân viên học tập nâng cao trình độ bằng nguồn kinh phí học tập do trường chi trả 50% và cá nhân tự trả 50%.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3

**Kết luận về Tiêu chuẩn 2:**

- Điểm mạnh nổi bật:

+ Cán bộ quản lý nhà trường có thời gian công tác thâm niên trong ngành giáo dục mầm non, đạt trên chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ, có lối sống đạo đức tốt, được giáo viên, nhân viên tín nhiệm.

+ Số lượng giáo viên đủ theo quy định của Điều lệ trường mầm non; có 65,1% giáo viên đạt trình độ trên chuẩn đào tạo; trên 84,1% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non ở mức khá trở lên.

+ Nhân viên của trường có đủ số lượng theo quy định, được phân công hợp lý và thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công. Nhiều năm liền, không có giáo viên, nhân viên bị kỷ luật.

- Điểm yếu cơ bản:

+ Cán bộ quản lý của trường chưa tham gia lớp cao học để nâng cao trình độ quản lý giáo dục và lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ Anh văn từ B1 trở lên.

+ 06 giáo viên có trình độ Trung cấp đang học Đại học, Cao đẳng giáo dục mầm non

+ Nhân viên kế toán, y tế, văn thư chỉ đạt trình độ trung cấp; 06 nhân viên cấp dưỡng chỉ đạt trình độ sơ cấp nấu ăn, 04 nhân viên cấp dưỡng đang học sơ cấp.

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 03/03

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/03

**Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học**

**Mở đầu**

Cơ sở vật chất trong trường mầm non là điều kiện cần thiết phục vụ hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ. Đầu tư cơ sở vật chất chính là tạo môi trường thuận lợi giúp trẻ tích cực hoạt động đáp ứng yêu cầu của Chương trình giáo dục mầm non; đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, giáo viên, nhân viên phát huy năng lực trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Chính vì vậy, cùng với việc nâng cao chất lượng đội ngũ, Trường Mầm non 13 đã từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

***Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn***

Mức 1

*a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;*

*b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;*

*c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.*

Mức 2

*a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;*

*b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;*

*c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có).*

Mức 3

*Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

1. Trường Mầm non 13 rộng lớn với diện tích đất là 6411m2; bình quân 11,65 m2/trẻ đảm bảo đủ theo quy định [H3-3.1-01].
2. Khuôn viên trường ngăn cách với bên ngoài bằng tường xây và hàng rào bảo vệ, đảm bảo an toàn; cổng trường kiên cố, vững chắc; có biển tên trường; khu vực xung quanh trường đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan môi trường, thân thiện và an toàn cho trẻ [H3-3.1-02].
3. Sân chơi rộng rãi với 3885,9m2; hiên chơi, hành lang của các lớp có tổng diện tích 982,4m2 [H3-3.1-01]. Sân chơi của trường được phân chia cụ thể khu vực chơi dành riêng cho trẻ nhà trẻ và khu vực chơi dành riêng trẻ mẫu giáo, với nhiều đồ chơi ngoài trời khác nhau; sân trường trồng nhiều cây xanh che bóng mát, cây cảnh, vườn rau được bố trí phù hợp với cảnh quan và điều kiện của nhà trường, luôn đảm bảo an toàn cho trẻ em; giúp cho tất cả trẻ em được tiếp cận sử dụng, khám phá, trải nghiệm hàng ngày [H3-3.1-02].

Mức 2

1. Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non, trong đó diện tích xây dựng công trình là 2525/6411m2 đạt 39%; diện tích sân vườn, cây xanh, sân chơi, bãi tập là 3885,9/6411m2 đạt 60,6% [H3-3.1-01].
2. Khuôn viên trường có tường rào bao quanh ngăn cách với bên ngoài; 100% lớp học sử dụng hiên chơi làm sân chơi của nhóm, lớp; tuy nhiên việc bố trí đồ dùng, đồ chơi tại hiên chơi của các lớp mẫu giáo chưa được phong phú, đa dạng; sân chơi có nhiều cây xanh tạo bóng mát; các loại cây xanh trong sân trường và tại các nhóm, lớp thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp, thẩm mỹ; phía sau sân trường có vườn rau xanh của bé; mỗi nhóm, lớp đều xây dựng góc thiên nhiên phù hợp dành riêng cho trẻ em chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ em khám phá, học tập [H3-3.1-02].
3. Khu vực trẻ em chơi có các thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định tại Thông tư 32/2012/TT-BGDĐT ngày 14/9/2012 Ban hành Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho Diáo dục mầm non như: Hầm chui, thang leo thăng bằng, đồ chơi thăng bằng trên bánh xe, đồ chơi leo núi, đồ chơi vận động liên hoàn, bập bênh, đồ chơi câu cá, đồ chơi nước, đồ chơi cát,….Các thiết bị và đồ chơi ngoài trời được kết hợp thành từng khu vực chơi trong sân trường như: Khu trò chơi vận động, khu chơi cát, khu chơi nước, khu chơi giao thông, khu chơi dân gian [H3-3.1-03].

Mức 3:

Sân trường có khu vực sân chơi riêng để tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển vận động dành riêng cho lứa tuổi nhà trẻ và mẫu giáo với đầy đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời, trong đó khu vui chơi dành cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ có đồ chơi nước, đồ chơi câu cá, xe đẩy, xe kéo, xe chòi chân, đồ chơi thăng bằng, bập bênh, cầu tuột, cổng chui và các đồ chơi phát triển vận động tinh [H3-3.1-02]; khu vui chơi dành cho trẻ mẫu giáo gồm có 02 khu vận động liên hoàn, khu chơi nước, khu chơi cát, khu chơi câu cá, khu chơi dân gian, khu chơi giao thông, sân bóng đá, sân đánh golf và các đồ chơi phục vụ các trò chơi dân gian như đi cà kheo, nhảy vòng, lăn bánh xe,…ngoài ra, còn có sân khấu ngoài trời trong sân trường [H3-3.1-02]; vào tháng 8 hằng năm, phó hiệu trưởng chuyên môn phát động giáo viên tự làm đồ chơi cho trẻ để bổ sung, thay thế các thiết bị đồ chơi ngoài danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ [H3-3.1-03].

**2. Điểm mạnh:**

Trường Mầm non 13 có diện tích rộng lớn, khuôn viên trường thoáng mát; nhiều khu vực chơi ngoài trời với các loại đồ chơi phong phú, đa dạng, đảm bảo an toàn được thiết kế, sắp xếp phù hợp với lứa tuổi đã tạo cho trẻ có nhiều cơ hội được khám phá, học tập.

**3. Điểm yếu:**

Việc bố trí đồ dùng, đồ chơi tại hiên chơi của các lớp mẫu giáo chưa phong phú, đa dạng.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2020 - 2021, hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên, nhân viên tiếp tục củng cố, duy trì diện tích, khuôn viên trường học và các loại đồ chơi, thiết bị ngoài trời hiện có; phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục hướng dẫn giáo viên bổ sung thêm đồ chơi ô ăn quan, nhảy lò cò, đồ chơi đấm bốc, đồ chơi khám phá thử nghiệm và đồ chơi phản ánh sinh hoạt tại hiên chơi của từng nhóm, lớp cho phong phú, đa dạng, phù hợp với lứa tuổi và điều kiện của từng nhóm, lớp.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3

***Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập***

Mức 1

*a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm lớp theo độ tuổi;*

*b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;*

*c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.*

Mức 2

*a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định;*

*b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.*

Mức 3

*Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

1. Trường có 20 phòng tương ứng với 20 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo phù hợp với trẻ từ 13 tháng đến 6 tuổi [H3-3.2-01].
2. Phòng sinh hoạt chung đồng thời là phòng ngủ của trẻ [H3-3.2-01]; trường có 02 phòng tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, 02 phòng giáo dục nghệ thuật và 01 phòng đa năng [H3-3.2-02] được trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em [H3-3.2-03].
3. Mỗi phòng sinh hoạt chung và các phòng chức năng được trang bị từ 10 đến 12 đèn chiếu sáng, mỗi phòng có từ 03 đến 06 quạt trần; có tủ, giá, kệ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học thuận tiện cho giáo viên và trẻ sử dụng [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02].

Mức 2

1. Phòng sinh hoạt chung có diện tích 78m2/phòng, bình quân 2,28 m2/trẻ; đủ ánh sáng tự nhiên và thoáng mát; nền nhà lát gạch màu sáng, riêng các nhóm nhà trẻ được lát sàn gỗ; phòng sinh hoạt chung được trang bị bàn, ghế cho trẻ đúng quy cách, đủ cho số trẻ trong lớp; bàn, ghế, bảng cho giáo viên và thiết bị đồ dùng, đồ chơi theo quy định; nơi ngủ của trẻ được trang bị nệm, gối, chăn, màn, tủ đựng đồ dùng phục vụ trẻ ngủ [H3-3.2-01]. Phòng giáo dục nghệ thuật thứ nhất dành cho trẻ mẫu giáo đặt tại lầu hai có diện tích 94m2; phòng giáo dục nghệ thuật thứ hai dành cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ đặt tại tầng trệt có diện tích 78m2; phòng giáo dục thể chất thứ nhất dành cho trẻ lứa tuổi mẫu giáo đặt tại lầu hai có diện tích 156m2; phòng giáo dục thể chất thứ hai dành cho trẻ lứa tuổi nhà trẻ đặt tại tầng trệt có diện tích 74m2; phòng đa năng có diện tích 302,8m2; các phòng được trang bị đầy đủ thiết bị, đồ dùng học tập được sắp xếp hợp lý, an toàn, đảm bảo đạt chuẩn theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H3-3.2-02].
2. Mỗi phòng sinh hoạt chung được trang bị 01 tủ để nệm gối; 01 tủ để vật dụng; 01 kệ để giỏ, dép và 08 kệ chơi trong lớp với đầy đủ các loại đồ dùng, đồ chơi theo quy định tại Thông tư số [02/2010/TT-BGDĐT](https://luatminhkhue.vn/thong-tu-02-2010-tt-bgddt-ban-hanh-danh-muc-do-dung---do-choi---thiet-bi-day-hoc-toi-thieu-dung-cho-giao-duc-mam-non-do-bo-truong-bo-giao-duc-va-dao-tao-ban-hanh.aspx)ngày 11 tháng 02 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho Giáo dục mầm non [H3-3.2-03]; tuy nhiên các phòng sinh hoạt chung chưa được lắp máy lạnh để tạo không khí mát mẻ cho trẻ hoạt động [H3-3.4-01]; 02 phòng giáo dục nghệ thuật được lát gỗ sạch sẽ, có sân khấu, được trang bị đàn organ, trống, tivi, đầu đĩa, hệ thống âm thanh, 06 tủ để trang phục, quần áo, dụng cụ âm nhạc, xung quanh tường gắn kính, gióng múa bằng Inox [H3-3.2-02]. 02 phòng giáo dục thể chất được lát gỗ sạch sẽ thoáng mát được trang bị đầy đủ dụng cụ thể dục như: gậy, vòng, bóng, thang leo, túi cát, ván dốc, băng ghế [H3-3.2-02]. Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu tại các lớp học, phòng giáo dục nghệ thuật, phòng năng khiếu được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng [H3-3.2-02].

Mức 3

Trường có 02 phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với tiếng anh được trang bị 01 bảng tương tác, 01 màn hình LCD, đủ bàn ghế, học liệu, thiết bị, tập sách cho trẻ học tập; phòng tin học có diện tích 95m2 được trang bị 01 màn hình tương tác, 10 Ipas, 10 máy vi tính cho trẻ ứng dụng công nghệ thông tin và vui chơi; phòng giáo dục nghệ thuật được trang bị sân khấu, loa, âm thanh, màn hình LCD và các loại nhạc cụ, đồ dùng học tập phục vụ nghệ thuật âm nhạc [H3-3.1-01]; [H3-3.2-02].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đầy đủ các phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng chức năng phục vụ trẻ học tập, sinh hoạt; được trang bị đầy đủ hệ thống đèn, quạt, âm thanh, thiết bị, học liệu, đồ dùng, đồ chơi trong danh mục và ngoài danh mục đảm bảo đạt tiêu chuẩn theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

**3. Điểm yếu**

Phòng sinh hoạt chung chưa được lắp máy lạnh để tạo không khí mát mẻ cho trẻ trong hoạt động.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2020 - 2021, cán bộ quản lý tiếp tục duy trì khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập hiện có trong nhà trường; hằng năm vào tháng 8 các phó hiệu trưởng phối hợp với kế toán kiểm tra đồ dùng, thiết bị, đồ chơi trong lớp và các phòng chức năng để tham mưu hiệu trưởng thực hiện sửa chữa, duy tu, trang bị mua sắm bổ sung, thay thế những đồ dùng, thiết bị, học liệu kịp thời trong từng năm học. Hiệu trưởng phối hợp với Ban Đại diện cha mẹ học sinh xây dựng kế hoạch trong 03 năm, từ năm học 2021 - 2024 để vận động cha mẹ học sinh tài trợ kinh phí hoặc huy động cha mẹ học sinh hỗ trợ hệ thống máy lạnh cho các lớp học.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3

***Tiêu chí 3.3: Khối phòng nhóm hành chính - quản trị***

Mức 1

*a) Có các loại phòng theo quy định;*

*b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;*

*c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý đảm bảo an toàn, trật tự.*

Mức 2

*a) Đảm bảo diện tích theo quy định;*

*b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.*

Mức 3

*Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

1. Nhà trường có các loại phòng được quy định tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, bao gồm: Khối phòng hành chính quản trị, có: phòng hiệu trưởng; phòng phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục; phòng phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc, nuôi dưỡng; văn phòng trường vừa là phòng họp; phòng dành cho nhân viên; phòng bảo vệ; khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên; khu để xe của cán bộ, giáo viên, nhân viên trị [H3-3.3-01]. Khối phòng nuôi dưỡng chăm sóc, chăm sóc, giáo dục trẻ em, có: phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em [H3-3.2-01]; phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật [H3-3.2-02]; sân chơi [H3-3.1-02]. Khối phòng tổ chức ăn, có: nhà bếp; kho bếp [H3-3.3-02]. Khối phụ trợ, có: phòng họp; phòng y tế; nhà kho [H3-3.2-01]; sân vườn; cổng, hàng rào [H3-3.1-02]. Hệ thống điện, nước [H3-3.3-03]; hệ thống phòng cháy chữa cháy [H1-1.10-04]; hệ thống công nghệ thông tin, liên lạc [H1-1.6-07]; thu gom rác thải [H3-3.3-04] và thiết bị dạy học được trang bị đầy đủ đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H3-3.2-03].
2. Các phòng được trang bị đầy đủ đồ dùng, thiết bị làm việc gồm: bàn, ghế, tủ đựng hồ sơ, máy vi tính, máy photo, máy in, máy fax, điện thoại liên lạc, các bảng biểu trong phòng tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ quản lý, nhân viên sử dụng [H3-3.3-01].
3. Có đủ chỗ để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên có hàng rào ngăn cách với sân chơi của trẻ [H3-3.3-01].

Mức 2

1. Phòng hiệu trưởng có diện tích 24,4m2; 02 phòng phó hiệu trưởng, mỗi phòng có diện tích 24,6m2; văn phòng trường có diện tích 98m2; 02 phòng dành cho nhân viên, bình quân mỗi phòng 24,8m2; phòng bảo vệ có diện tích 9m2; phòng y tế có diện tích 22,9m2; phòng hành chính quản trị có diện tích 78m2 [H3-3.1-01]; [H3-3.3-01].
2. Khu vực để xe cho giáo viên, cán bộ, nhân viên có diện tích 90m2, có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi khi sử dụng; tuy nhiên việc sắp xếp xe trong khu vực để xe của cán bộ, giáo viên, nhân viên đôi lúc chưa gọn gàng, trật tự [H3-3.3-01].

Mức 3

Phòng hành chính và các phòng làm việc trong nhà trường có diện tích lớn hơn so với quy định của Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non [H3-3.1-01].

## **2. Điểm mạnh**

Hệ thống phòng hành chính - quản trị được bố trí đầy đủ, đa dạng; trang thiết bị, phương tiện làm việc trong các phòng được trang bị đầy đủ tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ quản lý, nhân viên sử dụng.

**3. Điểm yếu**

Việc sắp xếp xe trong khu vực để xe của cán bộ, giáo viên, nhân viên có lúc chưa gọn gàng, trật tự.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2020 - 2021 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục duy trì hiện trạng phòng hành chính - quản trị và khu vực để xe hiện có; đầu mỗi năm học, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch mua sắm, bổ sung, thay thế các trang thiết bị tại phòng hành chính - quản trị nhằm tăng cường cơ sở vật chất trong nhà trường.

Trong các buổi họp hội đồng sư phạm, cán bộ quản lý nhắc nhở giáo viên, nhân viên để xe trật tự, ngay ngắn khi ra vào trường; phân công bảo vệ theo dõi và giúp đỡ giáo viên, nhân viên sắp xếp xe gọn gàng trong khu vực để xe.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3

***Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn***

Mức 1

*a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;*

*b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;*

*c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.*

Mức 2

*Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.*

Mức 3

*Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

1. Bếp ăn được xây dựng kiên cố đáp ứng yêu cầu để chế biến thức ăn cho trẻ [H3-3.4-01].
2. Kho thực phẩm có diện tích 23,5m2 được bố trí 02 kệ, 01 tủ dùng để đựng lương thực dành cho trẻ và thực phẩm dành cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; 01 kệ để sữa được sắp xếp riêng sữa bột và sữa nước đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm; có lối ra vào kho để xuất nhập hàng hóa thuận tiện; trong kho có 01 quạt gió để thông thoáng đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm [H3-3.3-02].
3. Trường có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn hằng ngày của trẻ được đặt tại nhà bếp [H3-3.3-02].

Mức 2

Bếp ăn có diện tích 175,5m2 bình quân 0,32m2/trẻ, gồm có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn được thiết kế và tổ chức theo qui trình bếp một chiều [H3-3.3-02]. Nhà bếp có đầy đủ đồ dùng phục vụ trẻ ăn bán trú tại trường [H3-3.4-02]; các loại dụng cụ chế biến thực phẩm như: Bếp ga, nồi cơm điện, nồi Inox, tủ hấp cơm, máy xay sinh tố, thau, rổ inox; … đảm bảo sạch sẽ, an toàn, hợp vệ sinh [H3-3.4-02]. Nước sinh hoạt được cung cấp đầy đủ, sạch sẽ, đảm bảo chất lượng và được Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh kiểm định 6 tháng/lần [H3-3.3-03]. Rác thải được thu gom, xử lý đúng quy định, không ảnh hưởng đến môi trường [H3-3.3-04]. Trong bếp có hệ thống phòng cháy chữa cháy và 02 bình chữa cháy đảm bảo yêu cầu công tác phòng, chống cháy nổ [H1-1.10-04].

Mức 3

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non, thông thoáng, đủ ánh sáng; cửa sổ có lưới để chống chuột, ruồi, nhặng, gián và các côn trùng có hại khác; tường, trần nhà và sàn nhà nhẵn, bằng phẳng, không có các khe rãnh, góc cạnh, gờ dễ bám bụi, chất bẩn, thuận tiện cho việc làm vệ sinh và khử trùng; bàn, ghế, dụng cụ, phương tiện được làm bằng inox dễ cọ rửa; có đủ các trang thiết bị phục vụ cho việc vệ sinh và khử trùng; dụng cụ chứa thức ăn và sử dụng để ăn uống được làm bằng inox dễ làm vệ sinh và không thôi nhiễm yếu tố độc hại; có tủ lạnh, tủ đông, tủ mát bảo quản thực phẩm; có hệ thống cung cấp nước sạch và chỗ rửa tay với xà phòng; có thùng rác có nắp đậy thuận tiện cho việc làm vệ sinh; khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều. Tuy nhiên, bếp ăn chưa được trang bị thiết bị hiện đại như máy cắt rau củ và máy cắt thịt [H3-3.3-02].

**2. Điểm mạnh**

Bếp ăn được xây dựng kiên cố đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non, được trang bị đầy đủ thiết bị, đồ dùng phục vụ bán trú cho trẻ và được tổ chức theo theo quy trình một chiều; kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm.

**3. Điểm yếu**

Nhà bếp chưa được trang bị thiết bị hiện đại như máy cắt rau củ và máy cắt thịt.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2020 - 2021 và những năm tiếp theo, cán bộ quản lý tiếp tục duy trì, củng cố thực trạng khối phòng tổ chức ăn hiện có; hiệu trưởng có kế hoạch trang bị máy cắt rau củ vào học kỳ I năm học 2020 - 2021 và trang bị máy cắt thịt vào học kỳ II năm học 2020 - 2021 nhằm tăng cường cơ sở vật chất, giảm tải cường độ lao động của nhân viên nấu ăn, đáp ứng nhu cầu phát triển hiện nay.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3

***Tiêu chí 3.5: Thiết bị đồ dùng, đồ chơi***

Mức 1

*a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;*

*b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;*

*c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.*

Mức 2

*a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý hoạt động dạy học;*

*b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;*

*c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.*

Mức 3

*Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

1. Nhà trường trang bị đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em theo quy định gồm: Đồ dùng, thiết bị dạy học, đồ chơi và học liệu dùng cho 05 nhóm nhà trẻ và 15 lớp mẫu giáo [H3-3.5-01].
2. Đầu mỗi năm học, cán bộ quản lý phát động giáo viên sử dụng các nguyên vật liệu đã qua sử dụng để làm đồ dùng dạy học và các loại đồ chơi học tập, đồ chơi vận động, đồ chơi phản ánh sinh hoạt cho trẻ, tuy nhiên đồ dùng, đồ chơi do giáo viên tự làm chưa bền, dễ hư hỏng [H3-3.1-03]. Ngoài ra cán bộ quản lý còn lên kế hoạch mua sắm, bổ sung thêm thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ em như: đồ chơi bowling, đồ chơi đấm bốc, đồ chơi đi cà kheo, đồ chơi câu cá,…[H3-3.1-03].
3. Việc kiểm tra tài sản được thực hiện mỗi năm 02 lần vào cuối học kỳ I và cuối năm học [H1-1.4-07], từ đó có kế hoạch sửa chữa, cải tạo, bổ sung thay thế kịp thời vào mỗi đầu học kỳ II và đầu năm học [H1-1.6-03].

Mức 2

1. Toàn trường có 25 máy tính, gồm 24 máy tính bàn và 01 laptop, trong đó: 10 máy tính phục vụ cho công tác quản lý và 15 máy tính phục vụ cho hoạt động dạy học [H1-1.4-07]; hệ thống máy tính của nhà trường được kết nối Internet và hệ thống mạng nội bộ phục vụ công tác quản lý và hoạt động dạy học [H3-3.5-02].
2. Nhà trường có đủ thiết bị dạy học theo quy định tại Thông tư 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non[H3-3.5-01].
3. Vào tháng 8 hằng năm, cán bộ quản lý vận động giáo viên sử dụng các loại vật liệu phế thải để tự làm đồ chơi, đồ dùng dạy học phục vụ hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ như đồ chơi học tập, đồ chơi vận động, đồ chơi dân gian [H3-3.1-03].

Mức 3

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm và đồ chơi ngoài danh mục được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, cụ thể qua việc giáo viên hướng dẫn cho trẻ chơi ở mọi lúc mọi nơi trong giờ học, giờ chơi, giờ sinh hoạt của trẻ; giáo viên giáo dục trẻ biết giữ gìn đồ dùng, đồ chơi, tổ chức cho trẻ lau rửa đồ chơi hàng tuần, sắp xếp gọn gàng đồ chơi lên kệ sau khi chơi xong [H1-1.1-04].

**2. Điểm mạnh**

Thiết bị đồ dùng, đồ chơi trong danh mục và ngoài danh mục được trang bị đầy đủ, đa dạng; được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

**3. Điểm yếu**

Đồ dùng, đồ chơi do giáo viên tự làm chưa bền, dễ hư hỏng.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường tiếp tục có kế hoạch đầu tư, mua sắm bổ sung, thay thế các trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi cho các lớp trong từng năm học. Bộ phận chuyên môn tiếp tục hướng dẫn giáo viên làm đồ chơi tự tạo phong phú, đa dạng bằng các loại nguyên vật liệu mở để phục vụ tốt công tác chăm sóc giáo dục trẻ tại trường.

Cán bộ quản lý chỉ đạo giáo viên sử dụng các nguyên vật liệu có độ bền để làm đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục cho trẻ hoạt động; giáo viên hướng dẫn trẻ bảo quản, giữ gìn đồ dùng, đồ chơi sau khi chơi xong để tránh hư hỏng.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3

***Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước***

Mức 1

*a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường, phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;*

*b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;*

*c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.*

Mức 2

*a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;*

*b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

1. Phòng vệ sinh cho trẻ được xây dựng khép kín với phòng sinh hoạt thuận tiện cho sử dụng và quan sát; mỗi phòng vệ sinh trong lớp học có 05 bồn cầu, 02 bệ tiểu treo; khu vực rửa tay của trẻ được bố trí trong phòng vệ sinh với 08 chậu rửa/lớp; các thiết bị vệ sinh được lắp đặt phù hợp với chiều cao của trẻ ở từng độ tuổi; ngoài ra còn có khu vệ sinh cho trẻ tại khu vực phòng chức năng được bố trí tại lầu hai thuận tiện cho việc sử dụng [H3-3.6-01]; trong mỗi lớp học có 01 phòng vệ sinh giáo viên thuận tiện cho việc sử dụng và quản lý lớp học được bố trí đầy đủ đồ dùng, thiết bị như: bồn cầu, chậu rửa tay, vòi nước; khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên ở bên ngoài lớp học có 09 phòng đảm bảo sạch sẽ, không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh của trẻ đảm bảo thuận lợi cho trẻ khuyết tật [H3-3.6-01].
2. Hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.6-02]; hệ thống nước sạch cho giáo viên, nhân viên và trẻ được cung cấp đầy đủ, đảm bảo an toàn, sạch sẽ; nước uống được cung cấp bởi Công ty nước tinh khiết Ionlife và nước sinh hoạt được cung cấp bởi Công ty cấp nước Gia Định [H3-3.4-04].
3. Hệ thống thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường, có thùng đựng và phân loại rác thải được bố trí đủ, có nắp đậy để phân loại, chứa đựng rác tạm thời trong nhà trường; các thùng rác, vật chứa rác và dụng cụ vệ sinh thuận tiện cho việc làm vệ sinh và khử trùng [H3-3.6-03]; rác thải được thu gom hằng ngày và được vận chuyển đến nơi tập trung do Hợp tác xã vệ sinh môi trường Thống Nhất thực hiện theo quy định [H3-3.4-05].

Mức 2

a) Phòng vệ sinh cho trẻ mẫu giáo có diện tích 20,7m2/lớp đạt từ 0,59m2/trẻ đến 0,82m2/trẻ; phòng vệ sinh cho trẻ nhà trẻ có diện tích 16m2 đạt từ 0,64m2/trẻ đến 0,80m2/trẻ; có vách ngăn cao 1,2m giữa chỗ đi tiểu và bồn cầu; kích thước mỗi ô đặt bệ xí là 0,8m; mỗi phòng vệ sinh bố trí 02 bồn tiểu treo, 02 bệ xí bệt dùng cho trẻ nam và 03 bệ xí bệt cho cho trẻ nữ; khu vực rửa tay của trẻ được bố trí riêng với 08 chậu rửa/lớp, trung bình 05 trẻ/chậu rửa; trong phòng vệ sinh có các thiết bị như: vòi nước, bồn rửa tay, ghế ngồi bô, bồn tiểu, riêng các nhóm nhà trẻ có vòi tắm, bồn tắm; nhà vệ sinh trẻ lứa tuổi mẫu giáo có phòng dành riêng cho bé trai và bé gái với đầy đủ trang thiết bị vệ sinh được lắp đặt phù hợp với độ tuổi [H3-3.6-01]. Khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được xây dựng riêng cho nam và nữ, đảm bảo thuận tiện, phù hợp với cảnh quan của nhà trường và quy định tại Điều lệ trường mầm non; tuy nhiên, việc sắp xếp đồ dùng trong phòng vệ sinh giáo viên đôi khi chưa gọn gàng [H3-3.6-01].

b) Hệ thống nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế [H3-3.4-04]; [H3-3.6-02]; [H3-3.4-05].

**2. Điểm mạnh**

Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo qui định. Có đủ nguồn nước sạch, hệ thống cống rãnh được xử lý tốt, hợp vệ sinh.

**3. Điểm yếu:**

Việc sắp xếp đồ dùng trong phòng vệ sinh giáo viên đôi khi chưa gọn gàng

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2020 - 2021, cán bộ quản lý tiếp tục hướng dẫn giáo viên sắp xếp đồ dùng dụng cụ trong nhà vệ sinh đảm bảo phù hợp, an toàn, hợp lý cho trẻ khi sử dụng; định kỳ hàng tuần kiểm tra nhà vệ sinh của trẻ và giáo viên. Duy trì việc xét nghiệm nước, khai thông cống rãnh theo định kỳ 6 tháng/lần.

**5. Đánh giá tiêu chí:** Đạt Mức 2

***Kết luận về Tiêu chuẩn 3:***

- Điểm mạnh nổi bật:

+ Trường Mầm non 13 có khuôn viên rộng rãi, thoáng mát, an toàn, các công trình của trường được thiết kế hài hòa, các khu vực trong nhà trường được bố trí phù hợp, đảm bảo an toàn, vệ sinh và đảm bảo yêu cầu về môi trường.

+ Nhà trường có đủ các trang thiết bị, đồ dùng theo danh mục quy định.

+ Toàn bộ cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng đồ chơi của nhà trường được bảo quản, sử dụng đúng mục đích, có kiểm tra, kiểm kê tài sản hàng năm để thực hiện kế hoạch chỉnh trang nâng cấp, bổ sung ngày một hoàn thiện hơn nhằm đáp ứng yêu cầu chăm sóc giáo dục trẻ tại trường đạt hiệu quả.

- Điểm yếu cơ bản:

+ Việc bố trí đồ dùng, đồ chơi tại hiên chơi của các lớp mẫu giáo chưa phong phú, đa dạng.

+ Phòng sinh hoạt chung chưa được lắp máy lạnh để tạo không khí mát mẻ cho trẻ trong hoạt động.

+ Việc sắp xếp xe trong khu để xe của cán bộ, giáo viên, nhân viên có lúc chưa gọn gàng, trật tự.

+ Bếp ăn chưa được trang bị thiết bị hiện đại như máy cắt rau củ và máy cắt thịt.

+ Đồ dùng, đồ chơi do giáo viên tự làm chưa bền, dễ hư hỏng.

+ Việc sắp xếp đồ dùng trong phòng vệ sinh giáo viên đôi khi chưa gọn gàng

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06

**Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội**

**Mở đầu**

Để thực hiện mục tiêu giáo dục, không những phải làm tốt công tác chăm sóc giáo dục trong nhà trường mà còn phải kết hợp chặt chẽ với gia đình và xã hội. Xác định được tầm quan trọng cũng như vai trò, vị trí của công tác tham mưu, phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ, trong những năm qua Trường Mầm non 13 không ngừng tăng cường mối quan hệ chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội nhằm tạo ra môi trường giáo dục thống nhất.

***Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ***

Mức 1

*a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*

*b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*

*c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

Mức 2

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.*

Mức 3

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.*

1. **Mô tả hiện trạng**

Mức 1

1. Đầu mỗi năm học, cán bộ quản lý phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức các cuộc họp cha mẹ trẻ và tổ chức Đại hội đại biểu cha mẹ học sinh để bầu ra Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, lớp [H4-4.1-01].
2. Hằng năm, Ban đại diện cha học sinh phối hợp với nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động của cha mẹ học sinh nhằm mục đích cùng nhà trường thực hiện có hiệu quả công tác chăm sóc giáo dục trẻ mầm non; tạo mọi điều kiện để trẻ được chăm sóc, nuôi dưỡng, học tập, vui chơi, rèn luyện trong một môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện nhằm hình thành và phát triển nhân cách toàn diện cho trẻ em; qua đó tăng cường mối quan hệ giữa cha mẹ học sinh với giáo viên và nhà trường; tham gia góp ý, xây dựng nội dung chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ; đề xuất các biện pháp, giải pháp, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và đảm bảo an toàn cho trẻ [H4-4.1-01].
3. Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức thực hiện kế hoạch theo đúng tiến độ: Tổ chức họp Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường và họp toàn thể cha mẹ học sinh 3 lần/năm học vào đầu năm học, cuối học kỳ I và cuối năm học để thống nhất kế hoạch, nội dung phối hợp giữa nhà trường với Ban đại diện cha mẹ học sinh để thực hiện nhiệm vụ chăm sóc giáo dục trẻ em và xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục nhà trường, nhằm thúc đẩy sự quan tâm, phối kết hợp trong hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường và đánh giá kết quả hoạt động trong năm học. Tuy nhiên cha mẹ trẻ tại các lớp lá chưa tham gia đầy đủ các buổi họp tại lớp [H4-4.1-01].

Mức 2

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong hỗ trợ giáo viên xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh; phối hợp tổ chức các hoạt động giáo dục như: lễ hội “Bé vui Trung Thu”, ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, “Bé vui đón Noel”, “Bé vui đón Tết” và tổng kết phát thưởng năm học cho trẻ; cùng nhà trường đưa trẻ đi tham quan, dã ngoại tại Suối Tiên, Đầm Sen; tham gia tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đến cha mẹ trẻ tại các buổi họp lớp; vận động cha mẹ học sinh thực hiện chương trình “Nuôi heo đất khỏe” của nhà trường; vận động cha mẹ học sinh đóng góp kinh phí để thực hiện các công trình như: Xây dựng khu vui chơi vận động, khu chơi nước, lắp đặt hệ thống mạng nội bộ, trải cỏ nhân tạo sân chơi cho trẻ,…Tuy nhiên, cha mẹ trẻ tại các lớp lá chưa tham gia đầy đủ các buổi họp tại lớp [H4-4.1-01].

Mức 3

Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, vận động tài trợ giáo dục để thực hiện các công trình trong nhà trường [H1-1.6-08].

1. **Điểm mạnh**

Ban đại diện Cha mẹ học sinh của trường tích cực phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ và đạt hiệu quả cao.

1. **Điểm yếu**

Cha mẹ trẻ tại các lớp lá chưa tham gia đầy đủ các buổi họp tại lớp.

1. **Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2020 - 2021, cán bộ quản lý, giáo viên tiếp tục phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh; phát huy hiệu quả hoạt động nhằm duy trì, củng cố, nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ trong nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3

***Tiêu chí 4.2: Công tác tham tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường***

Mức 1

*a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.*

Mức 2

*a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;*

*b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.*

Mức 3

*Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

1. Hằng năm, cán bộ quản lý tham mưu với cấp ủy chi bộ để xây dựng kế hoạch giáo dục năm học, kế hoạch tuyển sinh, kế hoạch sửa chữa cơ sở vật chất; tham mưu với lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo để được phê duyệt kế hoạch giáo dục trong từng năm học; đăng ký danh hiệu thi đua, hình thức thi đua đối với cá nhân, tập thể; tham mưu với Ủy ban nhân dân quận để được phê duyệt đề án vị trí việc làm, định biên, nhân sự, tài chính của nhà trường [H4-4.2-01].
2. Cán bộ quản lý tổ chức các hoạt động tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức thông qua các cuộc họp giữa nhà trường và cha mẹ trẻ; qua bản tin truyền thông, tổ chức nói chuyện chuyên đề và qua trao đổi giữa cán bộ, giáo viên với cha mẹ học sinh [H4-4.2-02].
3. Trong 05 năm qua, cán bộ quản lý, giáo viên đã huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định để thực hiện các công trình cải tạo cơ sở vật chất trường, lớp; xây dựng khu vui chơi cho trẻ; trang bị đồ chơi ngoài trời và lắp đặt hệ thống mạng nội bộ [H1-1.6-08]; [H4-4.1-01].

Mức 2

1. Căn cứ vào tình hình và điều kiện thực tế của trường, hằng năm, hiệu trưởng chủ động trực tiếp tham mưu với Đảng ủy, Ủy ban nhân dân Phường 13, Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Bình Thạnh để điều chỉnh kế hoạch phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, thực hiện kế hoạch năm học, kế hoạch xây dựng đơn vị có đời sống văn hóa tốt, kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, kế hoạch tuyển sinh [H4-4.2-01].
2. Lãnh đạo trường phối hợp với công đoàn, đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và cha mẹ trẻ để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với điều kiện của trường và truyền thống của địa phương như: Lễ hội “Bé vui đến trường”, “Tết Trung thu”, “Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11”, “Bé cùng chú bộ đội vui Noel”, “Bé vui đón Tết”, tham quan khu di tích, lịch sử, văn hóa tại địa phương; tuy nhiên việc tổ chức cho trẻ tham quan các khu di tích, lịch sử tại địa phương chưa được thực hiện thường xuyên [H4-4.2-03].

Mức 3

Nhờ làm tốt công tác tham mưu, phối hợp và sự quan tâm của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các tổ chức Đoàn thể và sự ủng hộ nhiệt tình của cha mẹ học sinh mà cơ sở vật chất trường, lớp ngày càng khang trang, đẹp đẽ hơn; nhà trường đã đầu tư nhiều công trình như: Cải tạo sân chơi ngoài trời cho trẻ, xây dựng góc chơi nước, lắp đặt hệ thống kết nối mạng nội bộ, nâng cấp khu vực chơi vận động, trải thảm cỏ sân trường cho trẻ,...[H1-1.6-08]; tất cả góp phần quyết định cho nhà trường đủ điều kiện xây dựng trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3 [H4-4.2-04] và đạt Chuẩn quốc gia Mức độ 2 vào năm 2016 [H4-4.2-05]; Trường Mầm non 13 là nơi được lãnh đạo và nhân dân địa phương Phường 13 chọn để tổ chức hoạt động “Lễ hội Trung Thu” hàng năm cho trẻ em trên địa bàn phường, là nơi được Đảng ủy Phường 13 để tổ chức Đại hội Đảng bộ khu phố 4 và tổ chức các cuộc họp của đại biểu Hội đồng nhân dân phường [H1-1.1-04]; trong 05 năm qua, Trường Mầm non 13 luôn được công nhận là đơn vị có đời sống văn hóa tốt, góp phần vào việc xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương [H4-4.2-06].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường làm tốt công tác tham mưu, phối hợp với cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương; phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ, góp phần xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

**3.Điểm yếu**

Việc tổ chức cho trẻ tham quan các khu di tích lịch sử tại địa phương chưa thường xuyên.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2020 - 2021, cán bộ quản lý tiếp tục làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường duy trì, củng cố những kết quả đã đạt; xây dựng đề án và thực hiện lộ trình xây dựng trường mầm non theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế từ tháng 01 năm 2021 đến tháng 12 năm 2023.

Đầu mỗi năm học, phối hợp với Công đoàn và Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xây dựng kế hoạch tổ chức cho trẻ tham quan mỗi năm một lần các khu di tích lịch sử tại địa phương như: lăng Lê Văn Duyệt, Đài liệt sĩ, đền Hai Bà Trưng, nhà truyền thống quận,...

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3

***Kết luận về Tiêu chuẩn 4:***

- Điểm mạnh nổi bật:

+ Ban đại diện cha mẹ trẻ em được thành lập và tổ chức hoạt động theo đúng quy định; phối hợp chặt chẽ cùng nhà trường làm tốt công tác tuyên truyền về các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

+ Cán bộ quản lý làm tốt công tác tham mưu, phối kết hợp với cấp ủy, chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể trong việc nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ; thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục.

- Điểm yếu cơ bản:

+ Cha mẹ trẻ tại các lớp lá chưa tham gia đầy đủ các buổi họp tại lớp.

+ Việc tổ chức cho trẻ tham quan các khu di tích lịch sử tại địa phương chưa thường xuyên.

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/02

**Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ**

**Mở đầu**

Giáo dục mầm non là bậc học đầu tiên trong hệ thống giáo dục quốc dân. Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ ở trường mầm non tốt sẽ có tác dụng rất lớn đến chất lượng giáo dục ở bậc học tiếp theo. Chính vì vậy, việc nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ là mục tiêu cơ bản, nhiệm vụ hàng đầu của trường Mầm non 13, nhằm giúp trẻ được phát triển toàn diện về thể chất, ngôn ngữ, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ; hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách chuẩn bị tâm thế cho trẻ vào lớp một.

***Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non***

Mức 1

*a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;*

*b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;*

*c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.*

Mức 2

*a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;*

*b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.*

Mức 3

*a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương;*

*b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

1. Hằng năm, căn cứ vào kế hoạch giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo và kế hoạch thời gian năm học do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành, cán bộ quản lý cụ thể hóa bằng các kế hoạch hoạt động chuyên môn theo năm, tháng, tuần [H1-1.8-01]; [H5-5.1-01]. Kế hoạch được triển khai đến toàn thể các tổ chuyên môn và giáo viên trong phiên họp chuyên môn đầu năm để thực hiện và hàng tháng, học kỳ đánh giá kết quả đạt được trong thời gian qua đồng thời tiến hành xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch trong thời gian tiếp theo [H1-1.4-03]; [H1-1.7-04].
2. Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành thông qua việc hướng dẫn, bồi dưỡng giáo viên vận dụng đa dạng các phương pháp, hình thức dạy học, tổ chức các hoạt động giáo dục đảm bảo đúng mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với khả năng và nhu cầu của trẻ từng lứa tuổi và điều kiện của trường, lớp; giáo viên chú trọng nâng cao khả năng hoạt động theo nhóm và kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn nhằm phát huy tính tích cực, chủ động ở trẻ [H1-1.8-02].
3. Định kỳ hằng tháng, học kỳ và cuối năm học, thông qua buổi họp chuyên môn, phó hiệu trưởng phối hợp với tổ trưởng chuyên môn tiến hành rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non, từ đó điều chỉnh kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế của trường, lớp [H1-1.7-04]; [H5-5.1-01].

Mức 2

1. Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng, đạt hiệu quả cao thông qua kết quả tổ chức các hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ của giáo viên tại các nhóm, lớp, tuy nhiên việc tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non của 01 giáo viên lứa tuổi nhà trẻ chưa linh hoạt [H1-1.1-04]; [H1-1.7-03].
2. Cán bộ quản lý hướng dẫn, chỉ đạo giáo viên tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ ở từng lứa tuổi; giáo viên chủ động lựa chọn nội dung, hình thức, phương pháp tổ chức giờ học, sử dụng đa dạng các phương tiện dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy…giúp trẻ hứng thú, tích cực tham gia hoạt động [H1-1.1-04]; [H1-1.7-04].

Mức 3

1. Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của Nhật Bản đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của nhà trường và địa phương thông qua việc tổ chức các hoạt động giáo dục tại lớp [H5-5.1-01]; thông qua việc tổ chức chuyên đề “Xây dựng môi trường thiên nhiên trong tổ chức hoạt động và tăng cường vận động cho trẻ mầm non”, chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”, chuyên đề “Đổi mới tổ chức giờ ăn cho trẻ”, chuyên đề “Giáo dục kỹ năng sống cho trẻ mầm non”,…[H5-5.1-02].
2. Hằng năm, cán bộ quản lý tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó hướng dẫn giáo viên điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em [H1-1.1-04].

**2. Điểm mạnh**

Việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non trong nhà trường đảm bảo chất lượng; trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của Nhật Bản cán bộ quản lý trường đã áp dụng phương pháp giáo dục, phát triển chương trình giáo dục mầm non phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương và đạt hiệu quả cao.

**3. Điểm yếu**

Việc tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non của 01 giáo viên lứa tuổi nhà trẻ chưa linh hoạt.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2020 - 2021, cán bộ quản lý tiếp tục chỉ đạo giáo viên củng cố, duy trì kết quả thực hiện chương trình Giáo dục mầm non. Phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục có kế hoạch bồi dưỡng giáo viên nhà trẻ thực hiện chương trình giáo dục mầm non cho phù hợp, trong đó chú trọng bồi dưỡng giáo viên về xây dựng nội dung chương trình, phương pháp dạy học, hình thức tổ chức giờ học; tổ chức chuyên đề cấp trường, hoạt động dạy tốt để giáo viên dự giờ, học tập, trao đổi kinh nghiệm về tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ và phương pháp dạy học.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3

***Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ***

Mức 1

*a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;*

*b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;*

*c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.*

Mức 2

*Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.*

Mức 3

*Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

1. Căn cứ vào kế hoạch chăm sóc, giáo dục của nhà trường và của tổ chuyên môn, giáo viên linh hoạt chọn lựa phương pháp tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ tại lớp như: phương pháp giáo dục bằng tình cảm, phương pháp dùng lời nói, phương pháp trực quan, phương pháp thực hành, phương pháp trò chơi, phương pháp đánh giá nêu gương; trong đó chú trọng phương pháp giáo dục lấy trẻ làm trung tâm trong mọi hoạt động của trẻ trong nhà trường, tuy nhiên kỹ năng tâm lý sư phạm của 02 giáo viên khối mầm còn hạn chế [H1-1.7-04].
2. Giáo viên xây dựng môi trường giáo dục trong nhà trường và tại các nhóm, lớp nhằm tạo điều kiện cho trẻ hoạt động tích cực, chủ động, khám phá, trải nghiệm từ đó phát huy khả năng cá nhân; giúp trẻ có cơ hội được tương tác với đồ dùng đồ chơi và tiếp xúc với mọi người xung quanh, thông qua việc xây dựng môi trường vật chất như: treo tranh ảnh, sản phẩm do trẻ tự làm theo chủ đề; sắp xếp đồ dùng, đồ chơi gọn gàng, ngăn nắp; bố trí các góc vui chơi trong lớp, ngoài sân đảm bảo an toàn, thẩm mỹ và phù hợp lứa tuổi [H5-5.2-01].
3. Các hoạt động giáo dục được giáo viên tổ chức bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng, phù hợp với từng độ tuổi và điều kiện thực tế của trường, lớp như: Hoạt động theo chủ đề, hoạt động vui chơi trong lớp, hoạt động ngoài trời, lao động chăm sóc vườn cây, hoạt động khám phá thử nghiệm, triển lãm tranh đẹp của bé [H5-5.2-02], hoạt động tham quan, dã ngoại [H5-5.2-03], liên hoan, văn nghệ, hoạt động lễ hội [H4-4.2-03] và tham gia các hội thi [H5-5.2-04].

Mức 2

Giáo viên biết tận dụng môi trường thiên nhiên và các mối quan hệ, giao tiếp giữa trẻ với trẻ, giữa trẻ với giáo viên và giữa giáo viên với cha mẹ trẻ để tổ chức cho trẻ tham gia các hoạt động thực hành, trải nghiệm, giúp trẻ khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế của trường, lớp [H1-1.8-02].

Mức 3

Môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm được sắp xếp, bố trí gọn gàng, thẩm mỹ với nhiều tranh ảnh, vật dụng phù hợp với từng độ tuổi và nhu cầu, khả năng của trẻ [H5-5.2-01], qua đó tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, thực hành, khám phá, trải nghiệm theo phương châm “học mà chơi, chơi bằng học” đã phát huy ở trẻ tính tích cực, chủ động, sáng tạo; trẻ biết quan sát và lắng nghe, biết đặt câu hỏi, biết suy nghĩ, liên tưởng, biết cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi phù hợp khả năng của trẻ, qua đó trẻ thích thú, mạnh dạn, tự tin trong mọi hoạt động [H5-5.1-02].

1. **Điểm mạnh**

Giáo viên biết lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục phù hợp với trẻ; môi trường giáo dục phong phú, đa dạng đã kích thích trẻ hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tích cực, chủ động tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm.

**3. Điểm yếu**

Kỹ năng tâm lý sư phạm của 02 giáo viên khối mầm còn hạn chế.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2020 - 2021, cán bộ quản lý tiếp tục bồi dưỡng giáo viên duy trì kết quả đạt được, phát triển môi trường giáo dục theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm. Tiếp tục duy trì việc hướng dẫn chỉ đạo giáo viên tổ chức đa dạng các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường. Hằng tháng, phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục dự giờ thăm lớp, quan tâm bồi dưỡng kỹ năng tâm lý sư phạm tại 02 giáo viên khối mầm qua thực tế dự giờ tại lớp và trong buổi sinh hoạt chuyên môn.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3

***Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khoẻ***

Mức 1

*a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;*

*b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;*

*c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.*

Mức 2

*a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;*

*b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;*

*c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.*

Mức 3

*Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1

1. Hằng năm, cán bộ quản lý phối hợp với Trung tâm y tế quận Bình Thạnh và Trạm y tế Phường 13 tổ chức cho trẻ được khám sức khỏe, tẩy giun định kỳ 6 tháng/lần, uống Vitamin A và tiêm chủng theo quy định của Bộ Y tế [H5-5.3-01].
2. 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định [H5-5.3-02].
3. 100% trẻ suy dinh dưỡng được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp như: Bổ sung sữa, phô mai, bánh plan, tăng cường chất bột, béo vào khẩu phần ăn của trẻ [H5-5.3-03]; [H5-5.3-04]; 100% trẻ béo phì được giáo viên tổ chức chơi các bài tập, trò chơi vận động sau giờ thể dục sáng, tăng cường vận động cho trẻ trong các hoạt động trong ngày [H5-5.3-05], được quan tâm, chăm sóc trong bữa ăn hàng ngày như: giảm chất bột, tăng cường cho trẻ ăn thêm rau luộc [H5-5.3-04]. Giáo viên phối hợp với cha mẹ học sinh để tuyên truyền về chế độ dinh dưỡng cho trẻ thông qua bản tin lớp, trao đổi trực tiếp với cha mẹ trẻ để xây dựng chế độ dinh dưỡng phù hợp cho trẻ khi ở nhà nhằm đảm bảo sức khỏe cho trẻ [H4-4.2-02]. Tình trạng dinh dưỡng của trẻ có cải thiện so với đầu năm học, cụ thể như sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** |
| - Số trẻ suy dinh dưỡng đầu năm | 12 | 16 | 17 | 16 | 08 |
| - Số trẻ suy dinh dưỡng cuối năm | 00 | 01 | 01 | 01 | 00 |
| Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng được phục hồi | 12/12 = 100% | 15/16 = 93,75% | 16/17 = 94,11% | 15/16 = 93,75% | 08/08 = 100% |
| - Số trẻ thừa cân, béo phì đầu năm | 56 | 70 | 37 | 50 | 46 |
| - Số trẻ thừa cân, béo phì cuối năm | 06 | 08 | 03 | 05 | 00 |
| Tỷ lệ trẻ thừa cân, béo phì được phục hồi | 50/56 = 89,28% | 62/70 = 88,57% | 34/37 = 91,89% | 45/50 = 90,00% | 46/46 = 100% |

[H5-5.3-03].

Mức 2

1. Cán bộ quản lý, giáo viên tư vấn cho cha mẹ trẻ em về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ em bằng các hình thức như trao đổi trực tiếp, tuyên truyền trên bản tin truyền thông của trường, lớp [H4-4.2-02], phối hợp với bác sĩ tại Trung tâm dinh dưỡng Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức nói chuyện chuyên đề về chủ đề “Biện pháp chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì”, “Vi chất dinh dưỡng đối với trẻ em”, “Biện pháp phòng bệnh cho trẻ em”,… [H4-4.2-02].
2. Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường đảm bảo cân đối giữa các chất đạm, béo, đường, bột, vitamin và khoáng chất đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng của trẻ trong nhà trường; khẩu phần dinh dưỡng của trẻ trong 05 năm qua không đồng đều, năm học 2019-2020 giảm so với những năm trước, cụ thể như sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** |
| Nhà trẻ | 62,3% | 63,3% | 65,9% | 67,2% | 61,5% |
| Mẫu giáo | 54,5% | 54,5% | 54,6% | 55,5% | 50,4% |

[H1-1.6-04].

1. 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp. Đối với trẻ suy dinh dưỡng: bổ sung sữa, phô mai, bánh plan, tăng cường chất bột, béo vào khẩu phần ăn của trẻ [H5-5.3-04]; đối với trẻ béo phì tổ chức cho trẻ chơi các bài tập, trò chơi vận động sau giờ thể dục sáng, tăng cường vận động cho trẻ trong các hoạt động trong ngày [H5-5.3-05], có chế độ dinh dưỡng riêng cho trẻ béo phì như giảm chất bột, tăng cường cho trẻ ăn thêm rau luộc vào các bữa ăn của trẻ [H5-5.3-04]; phối hợp với cha mẹ học sinh để tuyên truyền về chế độ dinh dưỡng cho trẻ thông qua bản tin lớp, trao đổi trực tiếp với cha mẹ trẻ để xây dựng chế độ dinh dưỡng phù hợp cho trẻ khi ở nhà nhằm đảm bảo sức khỏe cho trẻ [H4-4.2-02]. Tình trạng dinh dưỡng của trẻ có cải thiện so với đầu năm học, hằng năm có 93,8% đến 100% trẻ suy dinh dưỡng được phục hồi và 88,6% đến 100% trẻ thừa cân, béo phì được phục hồi [H5-5.3-03].

Mức 3

Tỷ lệ trẻ em khỏe mạnh có chiều cao, cân nặng phát triển bình thường trong độ tuổi trong 05 năm qua là:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học**  **2015-2016** | **Năm học**  **2016-2017** | **Năm học**  **2017-2018** | **Năm học**  **2018-2019** | **Năm học**  **2019-2020** |
| 633/640  98,90% | 711/720  98,75% | 716/720  99,45% | 702/708  99,15% | 605/605  100% |

[H5-5.3-03].

**2. Điểm mạnh**

Trẻ được nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe tốt. 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng; khẩu phần dinh dưỡng đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo quy định và có biện pháp trong việc giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì. Trên 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

**3. Điểm yếu**

Khẩu phần dinh dưỡng của trẻ trong 5 năm không đồng đều, năm học 2019-2020 giảm so với những năm trước.

1. **Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Đầu năm học 2020 - 2021, phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc, nuôi dưỡng tiếp tục chỉ đạo giáo viên và nhân viên nấu ăn thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe trẻ em;

Giáo viên tổ chức nhiều bài tập, trò chơi vận động, tạo điều kiện cho trẻ tích cực vận động trong hoạt động học tập, hoạt động vui chơi trong lớp, hoạt động ngoài trời và trong hoạt động sinh hoạt buổi chiều;

Hiệu trưởng, giáo viên tổ chức họp với cha mẹ học sinh để thỏa thuận mức thu tiền ăn của trẻ; tham mưu, đề xuất với lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo và Phòng Tài chính - Kế hoạch về tăng mức thu tiền ăn bán trú của trẻ nhằm đảm bảo khẩu phần dinh dưỡng cho trẻ.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3

***Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục***

Mức 1

*a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;*

*b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;*

*c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.*

Mức 2

*a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;*

*b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;*

*c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.*

Mức 3

*a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;*

*b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1, mức 2 và mức 3

1. Tỷ lệ chuyên cần của trẻ ở các lứa tuổi hằng năm như sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** |
| Trẻ nhà trẻ | 140/144  97,22% | 166/174  95,40% | 170/178  95,50% | 167/176  94,88% | 127/130  97,69% |
| Trẻ 3-4 tuổi | 198/201  98,6% | 157/158  99,36% | 166/169  98,22% | 168/172  97,67% | 123/124  99,19% |
| Trẻ 4-5 tuổi | 166/170  97,64% | 205/210  97,61% | 168/170  98,82% | 182/185  98,37% | 174/177  98,3% |
| Trẻ 5-6 tuổi | 124/125  99,20% | 177/178  99,43% | 202/203  99,5% | 171/175  97,71% | 173/174  99,42% |

Tuy nhiên, còn 03% trẻ 5 tuổi và 04% trẻ dưới 5 tuổi đi học chưa đều [H5-5.4-01].

1. Hằng năm, 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non và được theo dõi đánh giá theo Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi [H5-5.4-02].
2. Trong 05 năm qua, trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.1-04].

**2. Điểm mạnh**

Tỷ lệ chuyên cần trẻ 5 tuổi đạt từ 97,71% trở lên, tỷ lệ chuyên cần trẻ dưới 5 tuổi đạt từ 95,40% trở lên. 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình Giáo dục mầm non.

**3. Điểm yếu**:

Còn 0,95% trẻ 5 tuổi và 2,38% trẻ dưới 5 tuổi đi học chưa đều.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường tiếp tục duy trì tỷ lệ chuyên cần hiện có. Giáo viên phối hợp với cha mẹ học sinh tìm hiểu nguyên nhân trẻ nghỉ học để động viên trẻ đi học chuyên cần. Có kế hoạch tiếp nhận trẻ khuyết tật học hòa nhập khi cha mẹ trẻ có nhu cầu, tạo điều kiện cho giáo viên được tập huấn chương trình dạy trẻ khuyết tật để giáo viên có kiến thức áp dụng vào giảng dạy khi có trẻ khuyết tật học hòa nhập tại trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt Mức 3

***Kết luận về Tiêu chuẩn 5*:**

**-** Điểm mạnh cơ bản của trường:

+ Nhà trường tổ chức triển khai thực hiện chương trình Giáo dục mầm non theo đúng quy định.

+ Thực hiện mục tiêu nội dung giáo dục phù hợp với trẻ và điều kiện của trường.

+ Tổ chức tốt các hoạt động nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe trẻ em.

+ Tỷ lệ chuyên cần trẻ 5 tuổi đạt từ 97,71% trở lên, tỷ lệ chuyên cần trẻ dưới 5 tuổi đạt từ 95,40% trở lên. 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình Giáo dục mầm non.

+ 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non và được theo dõi đánh giá theo Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi.

- Điểm yếu cơ bản của trường:

+ Việc tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục của 01 giáo viên nhà trẻ chưa linh hoạt.

+ Kỹ năng tâm lý sư phạm của 02 giáo viên khối mầm còn hạn chế.

+ Khẩu phần dinh dưỡng của trẻ trong 5 năm không đồng đều, năm học 2019-2020 giảm so với những năm trước.

+ Còn 2,29% trẻ 5 tuổi và 4,60% trẻ dưới 5 tuổi đi học chưa đều.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04.

**Phần III. KẾT LUẬN CHUNG**

- Số lượng và tỷ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt

+ Mức 1:

Tiêu chí đạt: 25/25, tỷ lệ: 100%

Tiêu chí không đạt: 00/25, tỷ lệ: 00%

+ Mức 2:

Tiêu chí đạt: 25/25, tỷ lệ: 100%

Tiêu chí không đạt: 00/25, tỷ lệ: 00%

+ Mức 3:

Tiêu chí đạt: 19/19, tỷ lệ: 100%

Tiêu chí không đạt: 00/19, tỷ lệ: 00%

- Mức đánh giá của trường mầm non: Mức 3

- Trường Mầm non 13 đề nghị đạt:

Kiểm định chất lượng giáo dục: Cấp độ 3

Chuẩn quốc gia: Mức độ 2.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2020*  **HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Thị Hoa** |

**Phần IV: PHỤ LỤC**

**Bảng danh mục mã minh chứng**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Số**  **TT** | **Mã minh chứng** | **Tên minh chứng** | **Số ngày ban hành hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát** | **Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện** | **Ghi chú**  **(Nơi lưu trữ)** |
| Tiêu chí 1.1 |  | [H1-1.1-01] | Hồ sơ phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển:  - Kế hoạch phương hướng chiến lược giai đoạn 2016-2020.  - Biên bản rà soát phương hướng chiến lược.  - Kế hoạch phương hướng chiến lược giai đoạn 2016-2020 (điều chỉnh). | Giai đoạn 2015-2020 | Hiệu trưởng | Phòng hiệu trưởng |
|  | [H1-1.1-02] | Hình ảnh công khai kế hoạch phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường. | Năm học 2015-2016 | Văn thư | Văn phòng |
|  | [H1-1.1-03] | Cổng thông tin điện tử trường Mầm non 13 | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Văn thư | Cổng thông tin điện tử của trường |
|  | [H1-1.1-04] | Kế hoạch năm, tháng (trong đó có báo cáo sơ kết, tổng kết của trường) | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Phòng hiệu trưởng |
| Tiêu chí 1.2 |  | [H1-1.2-01] | Hồ sơ Hội đồng trường (trong đó có biên bản họp) | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Phòng hiệu trưởng |
|  | [H1-1.2-02] | Hồ sơ thi đua khen thưởng | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Phòng hiệu trưởng |
|  | [H1-1.2-03] | Hồ sơ chấm sáng kiến | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Phòng hiệu trưởng |
|  | [H1-1.2-04] | Hồ sơ thi giáo viên giỏi cấp trường | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục | Phòng phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục |
|  | [H1-1.2-05] | Báo cáo đánh giá hoạt động của các hội đồng trong nhà trường | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Phòng hiệu trưởng |
| Tiêu chí 1.3 |  | [H1-1.3-01] | Hồ sơ Công đoàn (trong đó có biên bản họp) | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Chủ tịch Công đoàn | Văn phòng |
|  | [H1-1.3-02] | Hồ sơ Chi đoàn (trong đó có biên bản họp) | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Bí thư Chi đoàn | Văn phòng |
|  | [H1-1.3-03] | Hồ sơ Chi hội Khuyến học | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Chủ tịch Chi hội Khuyến học | Phòng phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục |
|  | [H1-1.3-04] | Hồ sơ Chi hội Chữ thập đỏ | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Chủ tịch Chi hội Chữ thập đỏ | Văn phòng |
|  | [H1-1.3-05] | Hồ sơ Chi bộ | Từ năm 2015  đến năm 2019 | Bí thư Chi bộ | Phòng hiệu trưởng |
|  | [H1-1.3-06] | Hồ sơ phân tích chất lượng cơ sở đảng và đảng viên |  |  |  |
|  | [H1-1.3-07] | Bằng khen, giấy khen của trường, Chi bộ, Công đoàn, Chi đoàn, Chi hội Khuyến học, Chi hội Chữ Thập đỏ. | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Các cấp | Văn phòng |
| Tiêu chí 1.4 |  | [H1-1.4-01] | Hồ sơ cán bộ quản lý (trong đó có quyết định bổ nhiệm, bằng cấp, phiếu đánh giá cán bộ quản lý). | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Phòng hiệu trưởng |
|  | [H1-1.4-02] | Hồ sơ tổ chuyên môn và tổ văn phòng:  - Quyết định thành lập tổ chuyên môn, tổ văn phòng;  - Quyết định bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn và tổ văn phòng. | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Phòng hiệu trưởng |
|  | [H1-1.4-03] | Hồ sơ quản lý của tổ chuyên môn:  - Kế hoạch hoạt động của tổ chuyên môn.  - Biên bản họp tổ chuyên môn. | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Tổ trưởng tổ chuyên môn | Văn phòng |
|  | [H1-1.4-04] | Hồ sơ đánh giá, xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Văn thư | Văn phòng |
|  | [H1-1.4-05] | Hồ sơ quản lý của tổ văn phòng:  - Kế hoạch hoạt động của tổ văn phòng  - Biên bản họp tổ văn phòng. | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Tổ trưởng tổ văn phòng | Văn phòng |
|  | [H1-1.4-06] | Hồ sơ quản lý tài chính | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Kế toán | Phòng tài vụ |
|  | [H1-1.4-07] | Hồ sơ quản lý tài sản (trong đó có biên bản kiểm kê tài sản) | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Kế toán | Phòng tài vụ |
|  | [H1-1.4-08] | Sổ lưu trữ các văn bản, công văn | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Văn thư | Phòng hành chính |
|  | [H1-1.4-09] | Hồ sơ đánh giá, xếp loại công chức, viên chức | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Phòng hiệu trưởng |
|  | [H1-1.4-10] | Hồ sơ chuyên đề cấp trường | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục | Phòng phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục |
| Tiêu chí 1.5 |  | [H1-1.5-01] | Danh sách trẻ em, thống kê số trẻ | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Văn thư | Phòng hành chính |
|  | [H1-1.5-02] | Hồ sơ quản lý trẻ (gồm hồ sơ cá nhân và hồ sơ theo dõi sự phát triển của trẻ) | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Giáo viên | Lớp học |
| Tiêu chí 1.6 |  | [H1-1.6-01] | Hồ sơ tổ chức, quản lý nhân sự | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Phòng hiệu trưởng |
|  | [H1-1.6-02] | Hồ sơ quản lý chuyên môn | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục | Phòng phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục |
|  | [H1-1.6-03] | Hồ sơ cơ sở vật chất | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Phòng hiệu trưởng |
|  | [H1-1.6-04] | Hồ sơ quản lý bán trú | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc, nuôi dưỡng | Phòng phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc, nuôi dưỡng |
|  | [H1-1.6-05] | Hồ sơ công khai | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Văn thư | Phòng hành chính |
|  | [H1-1.6-06] | Quy chế chi tiêu nội bộ | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Phòng hiệu trưởng |
|  | [H1-1.6-07] | Danh mục các phần mềm quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Kế toán | Phòng hành chính |
|  | [H1-1.6-08] | Hồ sơ tài trợ giáo dục | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Kế toán | Phòng hành chính |
| Tiêu chí 1.7 |  | [H1-1.7-01] | Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Phòng hiệu trưởng |
|  | [H1-1.7-02] | Hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục | Phòng phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục |
|  | [H1-1.7-03] | Hồ sơ dự giờ giáo viên | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục | Phòng phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục |
|  | [H1-1.7-04] | Biên bản sinh hoạt chuyên môn của phó hiệu trưởng. | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục | Phòng phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục |
|  | [H1-1.7-05] | Hồ sơ lương và các chế độ phụ cấp của giáo viên. | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Kế toán | Phòng hành chính |
|  | [H1-1.7-06] | Hồ sơ hội nghị cán bộ, công chức, viên chức. | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Phòng hiệu trưởng |
|  | [H1-1.7-07] | Hồ sơ quy hoạch cán bộ quản lý. | Giai đoạn 2015-2020 | Hiệu trưởng | Phòng hiệu trưởng |
| Tiêu chí 1.8 |  | [H1-1.8-01] | Kế hoạch chăm sóc giáo dục năm, tháng và báo cáo công tác giáo dục. | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục | Phòng phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục |
|  | [H1-1.8-02] | Đĩa CD kế hoạch giáo dục của giáo viên. | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục | Phòng phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục |
|  | [H1-1.8-03] | Hồ sơ kiểm tra nội bộ. | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Văn thư | Văn phòng |
|  | [H1-1.8-04] | Biên bản kiểm tra của cấp trên. | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Văn thư | Văn phòng |
| Tiêu chí 1.9 |  | [H1-1.9-01] | Hồ sơ quy chế dân chủ. | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Phòng hiệu trưởng |
|  | [H1-1.9-02] | Hồ sơ tiếp công dân. | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Phòng hiệu trưởng |
|  | [H1-1.9-03] | Hồ sơ Ban thanh tra nhân dân. | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Trưởng Ban thanh tra nhân dân | Văn phòng |
| Tiêu chí 1.10 |  | [H1-1.10-01] | Hồ sơ đảm bảo an ninh trật tự trường học. | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Phòng hiệu trưởng |
|  | [H1-1.10-02] | Hồ sơ an toàn vệ sinh thực phẩm (trong đó có hợp đồng cung cấp thực phẩm). | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc, nuôi dưỡng | Phòng phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc, nuôi dưỡng |
|  | [H1-1.10-03] | Hồ sơ an toàn phòng, phòng chống tai nạn thương tích, thảm họa thiên tai. | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc, nuôi dưỡng | Phòng phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc, nuôi dưỡng |
|  | [H1-1.10-04] | Hồ sơ phòng cháy, chữa cháy. | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc, nuôi dưỡng | Phòng phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc, nuôi dưỡng |
|  | [H1-1.10-05] | Hồ sơ phòng chống dịch bệnh. | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Nhân viên y tế | Phòng y tế |
|  | [H1-1.10-06] | Hồ sơ phòng, chống bạo lực học đường, xâm hại trẻ em. | Giai đoạn 2017-2020 | Hiệu trưởng | Phòng hiệu trưởng |
|  | [H1-1.10-07] | Hộp thư góp ý và số điện thoại đường dây nóng của trường. | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Văn thư | Sân trường |
|  | [H1-1.10-08] | Hồ sơ xây dựng trường học thân thiện. | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục | Phòng phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục |
|  | [H1-1.10-09] | Biên bản họp hội đồng sư phạm. | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Văn thư | Văn phòng |
|  | [H1-1.10-10] | Biên bản họp cán bộ quản lý. | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Văn thư | Văn phòng |
| Tiêu chí 2.1 |  | [H2-2.1-01] | Hồ sơ đánh giá, xếp loại chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng. | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Phòng hiệu trưởng |
| Tiêu chí 2.2 |  | [H2-2.2-01] | Hồ sơ giáo viên (trong đó có hồ sơ cá nhân giáo viên, danh sách giáo viên). | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Phòng hiệu trưởng |
| Tiêu chí 2.3 |  | [H2-2.3-01] | Hồ sơ nhân viên (trong đó có hồ sơ cá nhân nhân viên, danh sách nhân viên). | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Phòng hiệu trưởng |
|  | [H2-2.3-02] | Đề án vị trí việc làm. | Năm 2019 | Hiệu trưởng | Phòng hiệu trưởng |
| Tiêu chí 3.1 |  | [H3-3.1-01] | Hồ sơ thiết kế xây dựng trường. | Năm 2014 | Hiệu trưởng | Phòng hiệu trưởng |
|  | [H3-3.1-02] | Ảnh chụp toàn cảnh sân trường và các khu vực chơi trong sân. | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục | Phòng phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục |
|  | [H3-3.1-03] | Danh mục thiết bị, đồ chơi ngoài trời và đồ dùng, đồ chơi tự làm ngoài danh mục. | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục | Phòng phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục |
| Tiêu  chí 3.2 |  | [H3-3.2-01] | Hình ảnh phòng sinh hoạt chung. | Năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục | Phòng phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục |
|  | [H3-3.2-02] | Hình ảnh phòng chức năng và phòng năng khiếu. | Năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục | Phòng phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục |
|  | [H3-3.2-03] | Danh mục thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục | Phòng phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục |
| Tiêu  chí 3.3 |  | [H3-3.3-01] | Hình ảnh phòng hành chính, các phòng làm việc, khu để xe. | Năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục | Phòng phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục |
|  | [H3-3.3-02] | Hình ảnh nhà bếp, kho thực phẩm, kho nước uống. | Năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc, nuôi dưỡng | Phòng phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc, nuôi dưỡng |
|  | [H3-3.3-03] | Hợp đồng nước uống, nước sinh hoạt, hóa đơn chứng từ thanh toán tiền nước và phiếu xét nghiệm nước. | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc, nuôi dưỡng | Phòng phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc, nuôi dưỡng |
|  | [H3-3.3-04] | Hợp đồng thu gom xử lý chất thải, rác sinh hoạt và hóa đơn chứng từ thanh toán. | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc, nuôi dưỡng | Phòng phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc, nuôi dưỡng |
| Tiêu chí 3.4 |  | [H3-3.4-01] | Sổ lưu mẫu thức ăn. | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Nhân viên y tế | Phòng y tế |
|  | [H3-3.4-02] | Danh mục thiết bị, đồ dùng bán trú tại nhà bếp. | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc, nuôi dưỡng | Phòng phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc, nuôi dưỡng |
| Tiêu chí 3.5 |  | [H3-3.5-01] | Sổ theo dõi tài sản của nhóm, lớp (trong đó có biên bản kiểm tra tài sản) | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc, nuôi dưỡng | Phòng phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc, nuôi dưỡng |
|  | [H3-3.5-02] | Hợp đồng kết nối mạng Internet | Năm 2014 | Phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc, nuôi dưỡng | Phòng phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc, nuôi dưỡng |
| Tiêu chí 3.6 |  | [H3-3.6-01] | Hình ảnh nhà vệ sinh của trẻ và cán bộ, giáo viên, nhân viên | Năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc, nuôi dưỡng | Phòng phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc, nuôi dưỡng |
|  | [H3-3.6-02] | Hình ảnh hệ thống thoát nước trong nhà trường | Năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc, nuôi dưỡng | Phòng phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc, nuôi dưỡng |
|  | [H3-3.6-03] | Hình ảnh các khu vực chứa rác trong nhà trường và lớp. | Năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc, nuôi dưỡng | Phòng phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc, nuôi dưỡng |
| Tiêu  chí 4.1 |  | [H4-4.1-01] | Hồ sơ Ban đại diện cha mẹ học sinh | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Phòng hiệu trưởng |
| Tiêu chí 4.2 |  | [H4-4.2-01] | Văn bản tham mưu, phối hợp với cấp trên | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Phòng hiệu trưởng |
|  | [H4-4.2-02] | Hồ sơ tuyên truyền | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Nhân viên y tế | Phòng y tế |
|  | [H4-4.2-03] | Hồ sơ và hình ảnh hoạt động lễ hội | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục | Phòng phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục |
|  | [H4-4.2-04] | Hồ sơ kiểm định chất lượng giáo dục | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Phòng hiệu trưởng |
|  | [H4-4.2-05] | Hồ sơ xây dựng trường chuẩn quốc gia | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Hiệu trưởng | Phòng hiệu trưởng |
|  | [H4-4.2-06] | Hồ sơ trường học có đời sống văn hóa. | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc, nuôi dưỡng | Phòng phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc, nuôi dưỡng |
| Tiêu chí 5.1 |  | [H5-5.1-01] | Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục | Phòng phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục |
|  | [H5-5.1-02] | Hồ sơ chuyên đề cấp quận, thành phố và báo cáo tham luận chuyên đề | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục | Phòng phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục |
| Tiêu chí 5.2 |  | [H5-5.2-01] | Hình ảnh môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học. | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục | Phòng phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục |
|  | [H5-5.2-02] | Hình ảnh, đĩa CD các hoạt động học tập, vui chơi, sinh hoạt, khám phá trải nghiệm và sản phẩm của trẻ. | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Giáo viên | Các lớp |
|  | [H5-5.2-03] | Hình ảnh trẻ tham quan dã ngoại | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục | Phòng phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục |
|  | [H5-5.2-04] | Hình ảnh trẻ tham gia các hội thi | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục | Phòng phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục |
| Tiêu chí 5.3 |  | [H5-5.3-01] | Hồ sơ theo dõi sức khoẻ trẻ | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Nhân viên y tế | Phòng y tế |
|  | [H5-5.3-02] | Biểu đồ tăng trưởng | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Giáo viên | Các lớp |
|  | [H5-5.3-03] | Kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì. | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc, nuôi dưỡng | Phòng phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc, nuôi dưỡng |
|  | [H5-5.3-04] | Thực đơn. | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Cấp dưỡng | Nhà bếp |
|  | [H5-5.3-05] | Lịch vận động cho trẻ dư cân, béo phì | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc, nuôi dưỡng | Phòng phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc, nuôi dưỡng |
| Tiêu chí 5.4 |  | [H5-5.4-01] | Sổ điểm danh, bảng thống kê tỷ lệ chuyên cần của trẻ. | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Văn thư | Phòng hành chính |
|  | [H5-5.4-02] | Quyết định và danh sách trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non. | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2019-2020 | Văn thư | Phòng hành chính |